

# LỤC ĐỘ BA LA MẬT

TỶ KHEO THÍCH TUỆ HẢI  
PL. 2551 - 2007



NHÀ XUẤT BẢN TÔN GIÁO

**LỤC ĐỘ**  
**BA LA MẬT**

**TỶ KHEO THÍCH TUỆ HẢI**  
**PL. 2551 - 2007**

## DẪN NHẬP

Trong lúc phát Bồ đề tâm, chúng ta nguyện sẽ độ tận chúng sanh muôn loài cho tới ngày chúng ta ngồi cội Bồ đề thành tựu đạo quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Như vậy trong Lục độ Ba la mật (sáu điều đưa đến giác ngộ, giải thoát), hành giả tu Phật sẽ tu cho tới đáo bỉ ngạn (tới bờ kia). Cho nên việc bố thí cũng không phải là bố thí thông thường, mà hành giả phải Bố thí Ba la mật.

Đứng trên cương vị tu tập theo Phật pháp, khi chúng ta muốn khởi xướng việc tu tập Bố thí Ba la mật thì điều đầu tiên đòi hỏi chúng ta khá gắt gao: Chúng ta phải là người ở bên kia bờ sanh tử thì mới có thể giúp người ta qua bờ bên kia được. Có nghĩa, tất cả những người tu học Phật pháp, nếu chúng ta muốn Bố thí Ba la mật thật sự thì bản thân tất cả những người tu học, những hành giả phải có trí tuệ đáo bỉ ngạn, như thế mới làm việc Bố thí Ba la mật được.

Hoặc là một người hành hạnh Bồ Tát thì phải phát tâm Bố thí Ba la mật. Nếu như chúng ta chưa phải là người giác ngộ hoàn toàn, mà chúng ta bố thí để cho tất cả chúng sanh đến bờ bên kia thì chưa trọn vẹn. Do vậy tất cả những người tu học Phật pháp trước hết phải phát tâm, phát nguyện làm bất cứ điều nhỏ nhiệm gì chúng ta cũng phải hướng tất cả chúng sanh tới giác ngộ giải thoát.

Trì giới cũng vậy, chúng ta cũng phải phát tâm giữ gìn giới pháp của Đức Phật cho tới ngày chúng ta được giác ngộ giải thoát hoàn toàn. Tinh tấn cũng vậy, khi chúng ta phát nguyện tu tập là chúng ta phải tu tập cho tới khi được giác

ngộ giải thoát hoàn toàn. Nhẫn nhục cũng vậy, chúng ta nhẫn nhục cho tới hoàn toàn được giác ngộ giải thoát. Trí tuệ Ba la mật là trí tuệ vượt thoát tất cả những vướng mắc trong tam giới này.

Như vậy trong Lục độ Ba la mật, thì buổi đầu hành giả tu tập phải phát tâm phát nguyện đi đến con đường giác ngộ giải thoát, chứ không có giải thoát lưng chừng, không có phát tâm dừng lại ở bất cứ cõi giới nào.

## I. BỐ THÍ BA LA MẬT

“**Bố**” là khắp, “**thí**” là cho, là ban rải, là buông bỏ. Bồ thí Ba la mật là sự buông bỏ tuyệt đối, không còn vương mắc bất kỳ một điều gì. Nếu chúng ta còn vương mắc ở thân, còn vương mắc ở tâm, còn vương mắc ở hoàn cảnh thì chúng ta không thể Ba la mật được. Cho nên khi một người phát tâm Bồ thí Ba la mật thì ngay từ đầu họ buông bỏ cả thân tâm của mình để đạt tới cảnh giới vô ngã, vô pháp thật sự, thì người đó mới đạt tới cảnh giới Ba la mật. Tức là chúng ta dứt khoát phải làm sao cho thân, tâm, ngũ uẩn này giai không thì mới độ được tất cả khổ ách (kinh Bát Nhã).

Khởi đầu chúng ta phải thấy rõ chỗ đến của mình là chỗ nào, chúng ta phải tu tập như thế nào, phải đạt mục tiêu gì để hành xử thì đó là mục tiêu chính. Chúng ta không được quyền dừng giữa chừng, và chưa đạt được đỉnh điểm sau cùng thì dứt khoát chúng ta còn phải tiến bước dài dài, cho tới ngày đạt được mục tiêu đó thì thôi.

Trong kinh Kim Cang, khi ngài Tu Bồ Đề đứng lên đánh lễ Đức Phật và thưa: “*Một người phát tâm Vô thượng Bồ đề thì làm thế nào hàng phục tâm, làm thế nào để an trụ tâm?*” Đức Phật dạy: “*Một người muốn hàng phục tâm, muốn an trụ tâm của mình thì phải độ chín loài chúng sanh cho tới Vô dư y Niết bàn, mà không thấy có một chúng sanh thật được diệt độ ...*”. Và tới một đoạn Đức Phật dạy một vị đại Bồ Tát bố thí không trụ tướng, không vương vào tướng ngã, nhân, chúng sanh, thọ giả thì đó mới thực sự là Bồ Tát. Đức Phật muốn nói tới công phu chuyên môn, mới có thể đạt tới đỉnh điểm Ba la mật. Đây là điều rất khó cho hành giả khi bắt đầu

công phu tu tập.

Đức Phật dạy chúng ta bố thí không trụ tướng, tức là bản thân người hành giả từ chỗ “không” mà hành bố thí chứ không phải từ chỗ “có”. Nếu chúng ta thấy có mình để bố thí thì sẽ có vật để bố thí và có người nhận thí, sẽ không thể Bố thí Ba la mật được.

Bố thí Ba la mật là chúng ta phải buông tất cả thân tâm này, tất cả những cảnh sắc mà lục căn tiếp xúc được, một khi chúng ta không còn vướng mắc, buông bỏ một cách toàn triệt thì lúc đó mới gọi là Bố thí Ba la mật. Chúng ta đem tiền của, vật dụng mang đi cho thì chưa phải. Vẫn còn vật để chúng ta cho, còn người để nhận vật đó, còn người để cho vật thì chưa phải là Bố thí Ba la mật.

Điều hết sức quan trọng là chúng ta thoát khỏi tứ tướng mà bố thí. Tức là không còn ngã để bố thí, phải đứng ở chân trời vô ngã để chúng ta hành động, để chúng ta nói năng, để chúng ta làm việc thì như vậy chúng ta mới có thể Bố thí Ba la mật được.

Bố thí gồm có: Bố thí tài, bố thí pháp và bố thí vô úy.  
Bố thí tài gồm có: Bố thí nội tài và bố thí ngoại tài.

### **1. Bố thí ngoại tài**

Là chúng ta buông xả sự chấp trước tiền bạc của chính mình. Ở đây chúng ta nói ở mặt bố thí cho đến mức độ tận cùng của nó là Bố thí Ba la mật. Đừng nghĩ chúng ta Bố thí Ba la mật là đem hết tất cả những gì mình có đem cho hết, như vậy là chúng ta đã nhận sai lời Phật dạy.

Ví dụ một người có tiền như mình, họ không đem tiền đi cho như mình mỗi ngày nhưng khi có việc cần thiết, họ

dùng đồng tiền rất hợp lý trong tất cả những tình huống xảy ra, họ giúp đỡ người và không xài riêng cho mình. Họ vẫn cứ tạo đồng tiền trong tay của mình mỗi ngày để có việc phải làm. Họ xài đồng tiền cho thiện sự có ý nghĩa. Bản thân họ tiền đó còn hay mất họ không đau khổ, đó mới gọi là Bồ thí Ba la mật. Còn mình, mặc dầu mỗi ngày mỗi đem đi bố thí nhưng lỡ có chuyện bị mất tiền, mất của là mình phải khổ đau. Cho ai mình cũng nhớ hết, đó là mình bỏ đồng tiền ra để mua lấy tiếng khen chứ không phải là Bồ thí Ba la mật.

Khi khởi nhân bắt đầu tu tập là bản thân họ đã nhận được chân lý. Chỗ chân thật của tất cả các pháp là vốn không, cái thân này vốn là không, hoàn cảnh vốn là không, bắt đầu họ mới hành xử thì được gọi là Bồ thí Ba la mật. Còn nếu như ở trần gian này có cái gì mà chúng ta thấy là có, là còn, là thật thì người đó không cách nào Bồ thí Ba la mật được. Trên mặt căn bản là chúng ta phải thấy được điều này, thì chúng ta muốn Bồ thí Ba la mật cũng thành tựu Ba la mật, muốn Bồ thí vô úy cũng thành tựu Ba la mật. Nếu chúng ta không thấy được cái gốc này, chúng ta không đứng ở chân trời “không” để bố thí thì lúc nào chúng ta cũng vướng vào ngã, nhân, chúng sanh, thọ giả.

Khi Bồ thí Ba la mật là chúng ta công phu tu hành một cách rất nghiêm mật chứ không đơn giản. Thứ nhất, tự mình phải phát tâm nguyện là buông xả tất cả, lục căn này khi thấy lục trần không còn vướng lại mới gọi là Bồ thí Ba la mật. Nơi bản thân của hành giả đó, mắt thấy sắc không vướng động lại, tai nghe âm thanh không vướng động lại, lưỡi nếm vị không vướng động lại, thân xúc chạm không vướng động lại, thì mới gọi là Bồ thí Ba la mật. Lúc đó chúng ta mới bố thí một cách

toàn triệt. Rồi sau đó những tài, sắc, danh, thực, thù, tự rơi rụng theo cái không vương mắc của lục căn.

Nếu chúng ta không đứng ở mảnh đất bình an, không đứng ở mảnh đất “Không” này để chúng ta hành động, để chúng ta bỏ thí, để chúng ta cúng dường, mà ở trong tâm còn thấy có, thấy thật thì đều bị vướng động lại. Bỏ thí mà bị vướng động thì chúng ta không giải thoát, không thể được gọi là Bỏ thí Ba la mật, đó là chuẩn ban đầu của bỏ thí.

Bỏ thí là làm sao tâm chúng ta không vướng nơi vật chất. Chúng ta đem đi cúng dường hay làm lợi lạc cho ai, thì dứt khoát chuyện này cũng thành không với mình trước đã. Dù vật chất đó là tiền, có nhiều hay ít, một đồng hay một triệu thì cũng đến với tâm như nhau không khác, không so sánh trong khi bỏ thí để không còn vui, không còn buồn, để không rớt trong tứ tướng. Tiền cũng là không thật, khi chúng ta hành hạnh bỏ thí. Người mà nhận, họ cũng được nhận trong cái “Không” đó. Chúng ta không có quyền đặt lại vấn đề là người này nhận tiền của mình là họ phải như thế này, phải như thế kia.

Ví dụ chúng ta có đối tượng để chúng ta giúp, người này là phải xem xét họ có thật nghèo không? Hay là họ xin mà họ cố tình gạt mình, phải thăm dò lý lịch họ sinh ra ở đâu, lớn lên làm việc gì, bây giờ tại sao thất bại ... Vấn đề đó gọi là chúng sanh sanh ra. Hoặc khi mình cho tiền họ có biết cảm ơn mình không, hay là cho rồi họ xoay lưng bỏ đi. Nếu như cho tiền mà họ vòng tay cảm ơn thì mình vui, còn cho mà họ không biết cảm ơn gì hết thì mình buồn, không biết họ có ghi nhận cái ơn này để mai kia một nọ mình có chuyện, họ có thể quay lại giúp mình không? Những tính toán đó là chúng sanh



sanh ra.

Đọc sử chúng ta thấy ngài Tuệ Trung Thượng sĩ thể hiện sức sống hết sức linh thông giữa trần gian này. Ví dụ, quý vị muốn gặp chúng tôi để nói chuyện gì đó là phải chuẩn bị trước trong đầu, gặp là phải như thế nào, nhưng Tuệ Trung Thượng sĩ thì hoàn toàn không có chuyện này, “*sâu thì vén áo, cạn thì nhón gót*”, tức là khi bước chân xuống suối nếu sâu quá thì vén áo lên khỏi mặt nước vừa đủ để đừng ướt thôi, còn suối cạn chỉ cần nhón gót đủ rồi, mặc gì phải vén áo, ngài siêu xuất đến mức độ này.

Ngài thể hiện sức sống linh thông của một bậc đại Thiên sư chứ không phải người bình thường, luôn khế ứng giữa cuộc sống này. Ví dụ gặp chú này cười thì mình cười lại, cười tươi thì mình cười tươi lại để khế ứng với nụ cười của họ. Gặp họ buồn thì mình có thái độ để chia sẻ, gặp người nghiêm trang thì chúng ta nghiêm trang khế ứng với họ, không hề lỗi nhịp với bất kỳ một điều nào giữa dòng sống này. Đời sống của ngài luôn luôn khế ứng từng nhịp một chưa bao giờ bị lỗi, rất linh thông, rất phù hợp, rất tinh tế, rất nhạy bén.

Tâm ngài luôn luôn vô tư, chưa bao giờ có một gợn mây tình để tính toán, gặp người nào cũng hợp đạo lý, khế hợp, khế ứng cho họ. Như bây giờ chuẩn bị giảng Thiên gặp đạo tràng Tịnh độ thì ngài giảng Tịnh độ. Gặp người thích niệm Phật thì ngài nói chuyện niệm Phật cho nghe. Tất cả những hành sự đều làm, gặp người thích tu Thiền thì ngài sẽ giảng nói Thiền cho nghe, lợi lạc cho người đó ngay nơi hiện tại chứ không hề có sự chuẩn bị trước và hoàn toàn không có ý niệm trước nào khi đối duyên xúc cảnh. Đây là điều hết sức kỳ diệu của người đang sống đúng với Phật pháp.

Tuệ Trung Thượng sĩ luôn sống ngay nơi hiện tiền này, không có chuyện chuẩn bị tương lai và cũng không có lùi tâm về quá khứ. Tuệ Trung Thượng sĩ lúc nào cũng ở nơi hiện tiền, có cảnh duyên ứng với hiện tại thì liền khế ứng, không trước không sau. Khi nào cần dùng thì ngài phô bày tất cả khả năng của mình. Ví dụ: đất nước đang cần thì ngài là một đại quan để dẫn quân đánh giặc, và khi đất nước hoà bình thì ngài lui về ở ẩn để tu tập, đó là ý nghĩa khế ứng giữa cuộc sống này.

Thứ hai là muốn nói đến sự linh thông của Tự Tánh mình, khi cần thì ứng hiện đủ. Như cần nói Pháp thì tự thành lời nói, cần ăn cơm thì tay đưa vô miệng, cần uống nước thì tay bung ly nước. Có nghĩa khi cần dùng thì Tự Tánh đều hiển bày tất cả hành động khế ứng giữa dòng đời này để phô ra. Không cần thì ẩn tàng, hoà nhập vào chỗ không mênh mông thanh tịnh, mà không có một gợn mây tình lãng xăng trong đầu.

Một người thật sự đến đỉnh điểm Ba la mật thì không còn chuyện gì ở trần gian mà không Ba la mật. Như vậy, chúng ta phải nhận định được nền tảng chính của một người Bồ thí Ba la mật là chúng ta phải ở vị trí thật sự Ba la mật. Ngay từ đầu là thân tâm hoàn toàn không, vật chất hoàn toàn không. Chúng ta phải thấy thân vật chất được cha mẹ sanh và cái tâm hiểu biết điều này điều kia là sự huân tập trong trần gian này, chúng ta cũng phải dứt bỏ nó mới ra khỏi cõi này được, như vậy mới gọi là Bồ thí.

Chúng ta hãy nghiệm lại đi, cái thân mình là cõi phàm, rõ ràng là được ăn uống nuôi nấng trong cõi này từ nhỏ tới lớn. Tâm mình nếu không học thì không biết được điều gì, tất

cả những cái mình hiểu, những cái mình nói năng, mình đã có bao nhiêu kiến thức, có bao nhiêu bằng cấp, có bao nhiêu trình độ, coi lại xem chúng ta lấy ở đâu? Nếu lấy trong cõi trần này ra thì phải dứt khoát không dính với nó, như vậy chúng ta mới thoát khỏi. Ngoại tài chúng ta cũng không được vướng nữa, đó gọi là chúng ta Bồ thí Ba la mật.

Bây giờ có vui thì đi xóm này giúp đỡ, xóm kia giúp đỡ, còn không thích thì hôm khác đi cũng được, không có gì phải băn khoăn nặng lòng, kỳ này không làm được thì kỳ sau làm, vì nơi tâm chúng ta đã không vướng mắc tiền của rồi. Vậy là chúng ta không đặt thành vấn đề mỗi tháng chúng ta làm bao nhiêu nữa. Có khi tháng này chúng ta làm gấp mười lần nhưng tháng sau chúng ta không làm cũng chẳng có gì dính, vì chúng ta đã một phen thấy được rõ ràng vật chất trần gian nó là cái của trần gian, chúng ta sẵn sàng trả lại hết cho trần gian.

Bồ thí ngoại tài là chúng ta giúp đỡ người khác bằng tiền của mình. Rồi chúng ta phải thấy tất cả chúng sanh đều là thân bằng quyến thuộc, mình mới mở tâm san sẻ. Còn nếu mình không thấy được điều này, tâm mình sẽ không mở, mình sẽ không bồ thí tận tâm. Nếu nguồn tâm chúng ta không còn chấp trước tiền của rồi; không còn ranh giới với mọi loài, mọi người nữa; chúng ta và mọi loài mọi người là một thì sự khổ đau vất vả của mọi người là sự đau khổ vất vả của chính mình, như vậy chúng ta mới san sẻ mà không còn luyến tiếc. Chúng ta phải thông hiểu được như thế, thì tự động tâm chúng ta mới có thể mở rộng, mới có thể san sẻ tận nguồn, còn nếu chưa được như vậy, chưa có kiến giải này thì tâm chúng ta vẫn còn bị đóng chặt, chúng ta chưa mở thông ra hết.

Khi giúp một người nào đó, chúng ta vẫn thấy họ là một đối tượng, họ là người ngoài thì chắc chắn chúng ta không thể bỏ thí một cách trọn vẹn được. Chúng ta phải thấy tất cả chúng sanh trong mười phương pháp giới này với mình là thịt, là da, là một chứ không phải là hai. Lúc đó tâm chúng ta sẽ mở toang ra, cho nên chúng ta sẵn lòng làm bất kỳ ở nơi đâu, sẵn lòng giúp đỡ bất kỳ ai bằng tất cả khả năng của chính mình.

## 2. Bồ thí nội tài

Là hành động nào đó giúp người, việc gì có lợi cho người khác là chúng ta sẵn sàng làm, dù việc đó hết sức nhỏ nhiệm. Nơi tâm chúng ta phải nghĩ tưởng đến tất cả chúng sanh muôn loài, phải phát nguyện rằng: *“Chúng ta sống ở cõi trần gian này, ngày nào, giờ nào, phút giây nào, thì ngày giờ, phút giây đó chúng ta làm tất cả mọi việc để cho tất cả chúng sanh được giác ngộ giải thoát. Và hơn nữa chúng ta phát tâm phát nguyện gánh chịu tất cả những khổ đau cho chúng sanh, sẵn sàng đem tất cả những an vui, những lợi lạc, những cái gì có ích cho chúng sanh, chúng ta sẵn sàng trải thân mạng mình để làm, thì tâm chúng ta mới mở từ từ”*. Chúng ta bước những bước căn bản này để tâm chúng ta được thông ra. Còn nếu chúng ta không biết cách để mở tâm mình thì dù có làm đi nữa vẫn không có kết quả. Đó là những bước hết sức căn bản của vị Bồ Tát chuẩn bị Bồ thí Ba la mật.

Khi nghe một người nào đau khổ mà mình chưa làm được điều gì cho họ thì mình phát nguyện liền: *“Xin cho con được gánh chịu sự đau khổ giúp người đó.”* Mặc dù mình chưa làm được gì nhưng trong tâm mình phải phát nguyện để cho họ được sống yên ổn, sống bình yên, trí tuệ họ được mở

thông, họ nhận được chân lý và tu tập cho tới ngày được giác ngộ giải thoát. Giỏi hơn nữa thì nguyện cho tất cả đều thành Phật trước, mình là người thành Phật sau cùng. Người bố thí phải có tâm nguyện này, nếu không có tâm nguyện này thì không thể làm việc bố thí một cách trọn vẹn được.

Như chúng ta thấy, người con ngoan thì có gì ngon, có gì sung sướng hưởng thụ là liền dâng hiến hết cho cha mẹ mình. Tất cả chúng sanh đây, nếu chúng ta xem là cha mẹ mình thì buộc mình phải nâng niu, chịu chuông, phải lo lắng, trân trọng, san sẻ tất cả những quyền lợi. Người bố thí phải thấy rằng mình đang dâng hiến tất cả những gì quý báu nhất trần gian cho bậc tôn trưởng của mình, cho những người ân của mình, cho những người quen thuộc của mình, chứ không phải cầm tiền đi giúp đỡ nữa, mình không phải người ban ơn nữa, phải xoá đi cái thấy nhìn đó thì mới xoá đi ngã chấp của mình.

Chúng ta đang làm việc bố thí có nghĩa là chúng ta đang đền ơn, đang trả ơn chúng sanh muôn loài. Chúng ta bắt đầu gánh vác công việc cực nhọc của họ, chúng ta san sẻ những quyền lợi cho họ, chúng ta dâng hiến những gì quý báu cho họ. Chúng ta làm bằng sự trân trọng quý kính, để còn sống ngày nào, còn làm việc phút giây nào ở trần gian này, còn hơi sức nào thì chúng ta sẵn sàng đền ơn báo ơn. Dù có cực nhọc, cũng không có buồn chán vì rõ ràng là chúng ta chưa trả xong ơn nghĩa. Chừng nào chúng sanh thành Phật hết thì chúng ta mới trả xong ơn lớn đó.

Lúc đó tâm chúng ta sẽ mở thông thành một con đường mới, để rồi mình sẵn sàng hy sinh, sẵn sàng chia sẻ, sẵn sàng chịu cực khổ thức khuya dậy sớm, làm mọi điều để

cho mọi người được hưởng mình vẫn vui. Việc chính là chúng ta cầu nguyện cho mình đến được giác ngộ giải thoát, đó là điều mà chúng ta phải nhớ. Lúc nào điều này cũng bùng cháy trong tâm thì chúng ta mới thoát ra khỏi trần gian này, chứ không thì khó lắm. Nguyện này phải được liên tục kết nối trong tâm chúng ta, nó phải trở thành nguồn lực thực sự, chứ không đợi tới tối ngời niêm Phật chúng ta mới nguyện, nguyện xong rồi thôi, buông ra rồi mình lại dính tới tiền của, danh lợi, hơn thua, ăn mặc. Nếu chuyện giác ngộ, không trở thành lực trong lòng mình, mà không thành lực thì không thể tác động, không thể đưa đẩy chúng ta thoát khỏi trần gian này đâu.

Bồ thí nội tài là chúng ta làm tất cả mọi việc trước mắt bên tai thấy có thể làm lợi cho ai, lợi cho loài nào, lợi cho quốc gia dân tộc, lợi cho một đất nước, lợi cho một côn trùng chúng ta làm. Ví dụ trong kinh, Đức Phật nói các loài ngựa quý chỉ nhìn thấy nước là cỏ nó liền bốc cháy, như vậy ban đêm có những chậu nước chúng ta không đặt kỹ vô tình chúng ta làm đau khổ loài đó. Vì vậy trước khi đi ngủ, chúng ta phải đặt những chậu nước, ngoại trừ sông biển thì phải chịu thôi. Những việc làm này cũng như những hành động lợi khác, không biết sẽ lợi cho ai, nhưng mình thấy không làm cho người khác đau khổ là chúng ta làm. Luôn luôn trong lòng chúng ta có suy nghĩ làm lợi lạc, an vui, hạnh phúc cho người xung quanh, điều này không được quyền tắt mắt trong lòng, không kể ngày đêm.

Bồ thí nội tài là phải vận dụng tất cả sức lực vốn có của chính mình, để khi mình bước một bước là lợi lạc người khác một bước, nói một câu là lợi lạc người khác một câu,

làm một việc là lợi lạc người khác một việc, không có chuyện phải tính rồi mới làm. Nó đã trở thành máu huyết của mình rồi, trở thành xương thịt của mình rồi thì nói cái gì cũng có lợi cho người khác, làm cái gì cũng có lợi cho người khác. Đem tất cả nội lực của mình ra, đem tất cả sức sống còn, hy sinh cả đời này cho tới ngày tất cả chúng sanh thành Phật thì mình mới được yên ở nơi Niết bàn. Lúc đó mình mới chịu thôi hiến dâng sức lực của mình, thôi hiến dâng sinh mạng của mình.

Bổ thí nội tài là phát tâm phát nguyện cúng dường thân tâm này cho Tam Bảo, cho tất cả chúng sanh muôn loài, thân mình bây giờ là phụng sự cho Tam Bảo và phụng sự cho chúng sanh. Chúng ta phải hiểu điều này, khi phát tâm đến thì chúng ta mới làm đến. Chúng ta phải thấy tận nguồn công việc để chúng ta làm. Chúng ta phải hiểu việc làm của mình là làm tới đâu, làm cho tới cái gì, chúng ta mới chịu dừng. Tức là đích để nhắm thì chúng ta phải nhắm cho đến, phải nhắm cho tới, nếu nhắm lưng chừng thì làm một chút là chúng ta nghỉ, không bao giờ chúng ta làm hết trọn vẹn được.

Khi phát tâm Bồ thí Ba la mật, chúng ta phải gạn hết từ đầu cho tới bây giờ, từ thân cho tới tâm, từ hành động cho tới phát nguyện của mình, từ việc làm cho tới lời nói, tới suy nghĩ nhỏ nhiệm của mình, kể từ đây chúng ta nguyện đem thân tâm của mình dâng hiến trọn vẹn cho Tam Bảo, dâng hiến trọn vẹn cho chúng sanh muôn loài, không có gì cho mình cả. Vì sao?

Vì mình không có, thân này vốn không, tâm này vốn không. Chúng ta phải thấy rõ cái không có của thân tâm này, thân này nó vốn là vô ngã, từ xưa tới giờ nó chưa là thật của

mình. Khi chúng ta hiểu được thân này là không, tâm này là không thì ta sẵn sàng làm lợi lạc cho chúng sanh, tức là không hề có sự câu nệ nào, được như vậy mới gọi là Bồ thí nội tài Ba la mật.

### **3. Bồ thí pháp Ba la mật**

Trong tất cả các việc bồ thí cúng dường thì bồ thí pháp là công đức vô lượng vô biên, các kinh điển Đức Phật đều nói như thế. Cho nên nhờ việc Bồ thí pháp mà giờ này chúng ta vẫn còn ngồi đây, chúng ta biết được giáo lý của Đức Phật. Nếu Bồ thí pháp không được đặt ra làm trọng tâm, không được đặt ra làm hàng đầu, thì giờ phút này chúng ta không có hiểu được Phật pháp là gì và chúng ta cũng không có mặt trong đạo tràng này đâu.

Việc Bồ thí pháp trở thành quan trọng cho tất cả những người con Phật, người đó dù là xuất gia hay tại gia thì phải xem trọng điều này. Nhất là việc thuyết Pháp độ sanh, là việc chính của những vị đứng vào hàng ngũ xuất gia. Nhưng từ trước tới giờ chúng ta học về bồ thí, có khi chúng ta cũng có lầm lẫn trong Bồ thí pháp Ba la mật. Chúng ta sẽ bàn từ cạn cho tới sâu, để thấy giá trị thật của người Bồ thí pháp Ba la mật nó sẽ tới đỉnh điểm nào.

Hàng cư sĩ tại gia có đôi lúc học Phật chúng ta thấy đạo lý nhà Phật cũng hay, nhờ giáo lý nhà Phật mà mình được giác ngộ, được tu tập thì mình cũng muốn chia sẻ cho những người bà con chòm xóm của mình, những huynh đệ lân cận của mình, mình cũng nói bài Pháp này, nói bài Pháp kia cho những người đó được giác ngộ, thì đó cũng là hình thức Bồ thí pháp.



Hoặc là người nào không có khả năng giảng thuyết thì chúng ta có thể tặng cho huynh đệ một quyển Kinh, hoặc một băng giảng nào mà mình thấy thích ý vừa lòng, đó cũng gọi là Bồ thí pháp. Hoặc những bậc xuất gia khi lên pháp toà nói chuyện đạo lý, được gọi là Bồ thí pháp. Điều này hết sức đúng trên mặt căn bản, nhưng nếu chúng ta đặt Bồ thí pháp ở chừng mức đó thì vẫn chưa chuyển tải được ý của Đức Phật muốn nói, về Bồ thí pháp Ba la mật. Tức là khi chúng ta Bồ thí pháp của Đức Phật, thì chúng ta làm sao cho đối tượng tiếp nhận giáo pháp đó phải sang bờ kia, phải giác ngộ giải thoát thì mới gọi là Bồ thí pháp Ba la mật.

Những vị Thầy, vị Sư cô giảng Pháp của Đức Phật thì gọi là Bồ thí giáo lý, là giảng viên, là giáo viên chứ không được gọi là Pháp sư. Pháp sư có nghĩa hết sức chuyên sâu, vị đó phải nói được giáo pháp giác ngộ giải thoát, đối tượng nghe phải nhận được đạo lý giác ngộ giải thoát và phải được giác ngộ thật sự. Trong lịch sử, thời Đức Phật tại thế, khi ngài lên toà thuyết Pháp thì bất kỳ thời nào Đức Phật thuyết Pháp cũng có người giác ngộ giải thoát. Thậm chí việc đối đáp riêng của Đức Phật cũng đủ sức làm người khác giác ngộ.

Kinh Kim Cang diễn tả Đức Phật buổi sáng ôm bình bát đi khát thực, xong về ăn cơm, xong rửa bát, trải tọa cụ, ngồi thiền những hình ảnh hết sức đơn thuần. này trong đại chúng không ai nhận ra, chỉ riêng ngài Tu Bồ Đề nhận ra ý chỉ này, do đó ngài mới đánh lễ thưa Đức Phật: *“Thưa đáng Thế Tôn, người cầu đạo quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác thì làm sao hàng phục tâm, làm sao an trụ tâm?”* Tức là ngài Tu Bồ đề nhận thấy hành động, cử chỉ, việc làm, đi đứng, ăn cơm, rửa bát của Đức Phật là một hành động Đức

Phật đang Bồ thí pháp. Ý Đức Phật muốn nói tới việc đời thường mà không vướng trong trần gian này, một việc hết sức bình dân của Đức Phật thể hiện trọn vẹn giáo lý giác ngộ giải thoát. ngài Tu Bồ Đề muốn lợi lạc cho tất cả chúng sanh nên ngài mới đánh lễ cầu thỉnh Đức Phật giải nghĩa.

Đức Phật Bồ thí một cách trọn vẹn cả thân mạng mình. Ví dụ chúng sanh cần đến Đức Phật để cúng dường thì Đức Phật xuất hiện trước họ để gieo phước điền cho họ. Chúng sanh nào cần Đức Phật thuyết Pháp, thì ngài liền hiện lên pháp toà để thuyết Pháp cho chúng sanh nghe. Nếu cần nói những lời giác ngộ vượt thoát sâu màu thì Đức Phật nói giáo lý giác ngộ giải thoát cho họ nghe. Họ cần khai thị để phá vỡ bế tắc của họ thì họ được Đức Phật khai mở.

Trong lịch sử Đức Phật, có chuyện ngài Angulimala rượt chém Đức Phật hoài, ngài Angulimala nói: *“Cù Đàm, ông hãy đứng lại”*. Đức Phật nói: *“Ta đã đứng lại lâu lắm rồi, chỉ có người là chưa đứng lại mà thôi”*. Một câu nói không thành bài Pháp nhưng ngài Angulimala nhận ra được đạo lý, buông gươm, quỳ xuống, đánh lễ Đức Phật xin được xuất gia, theo Đức Phật trong một thời gian ngắn là ngài đã chứng quả A La Hán. Có khi việc Bồ thí pháp không thành bài Pháp thoại kéo dài nhưng chỉ một hành động, một cử chỉ của một vị có đức nói dù chỉ một lời mà chúng ta sực tỉnh ra chuyện gì đó, hoặc có người giác ngộ Pháp ở một chừng hạn nào đó, thì đó cũng là Bồ thí pháp nhưng chưa đến Ba la mật.

Độc Thiên sử Trung Hoa, việc Bồ thí pháp của Thiên sư rất đặc biệt. Như ngài Thủy Lão tới ngài Mã Tổ để cầu Pháp, vừa mở miệng hỏi:

*“Thế nào là đại ý của Phật pháp?”*

Bị Ngài Mã Tổ cho một đập lăn nhào xuống đất, ngài Thủy Lạp đứng lên cười kha khả rồi đi, không nói câu nào. Sau một giai đoạn dài, ngài Thủy Lạp giáo hoá trước chúng nói:

*“Từ khi ta nhận được cái đập của Mã Tổ cho tới hôm nay là ba mươi năm rồi, chưa từng thiếu áo cơm (tức là Phật pháp no tràn trề), tới bây giờ ta mớm cho con cháu đời sau”.*

Nếu chúng ta nhìn theo khía cạnh của thế gian thì cú đập đó là hành động rất thô tháo. Nhưng tại sao ngài Thủy Lạp lại ngộ? Cho nên chúng ta thấy việc Bồ thí pháp không phải đơn thuần là giảng kinh, thuyết Pháp mà tất cả những hành động, cử chỉ của những bậc đã giác ngộ dù là một hành động nhỏ, dù là một lời nói nhỏ đều dẫn con người ta tới giác ngộ giải thoát.

Ngài Đạo Ngộ là thầy của ngài Sùng Tín. Khi chưa xuất gia là ngài đi bán bánh bao. Mỗi sáng ngài Sùng Tín đều đem bánh bao cúng dường cho ngài Đạo Ngộ. Cúng dường mười cái bánh bao, ngài Đạo Ngộ để lại một cái dùng hai cái, mỗi lần để bánh bao lại ngài Đạo Ngộ nói: *“Nếu người xuất gia trong chùa, ta sẽ nói đạo lý cho người nghe”*, ngài chỉ nói vậy thôi chớ không nói câu nào khác. Nhiều lần ngài Sùng Tín suy nghĩ, thôi mình bán bánh bao cũng không có làm cái gì khá lắm, giờ theo Sư phụ để học, nên phát tâm xuất gia. Khi xuất gia ở trong chùa với ngài Đạo Ngộ thì ngài Sùng Tín cứ làm thị giả, sáng bung nước lên cho Sư phụ uống, tới giờ cơm thì bung cơm cho Sư phụ ăn, rồi thôi, không thấy gì, cũng không nghe nói câu nào.

Cho tới ba năm sau, ngài vẫn chờ đợi Sư phụ nói Phật pháp cho mình nghe. Bữa đó chịu hết nổi rồi, tới giờ cơm trưa ngài lên thưa Sư phụ:

- *“Hồi còn bán bánh bao thì Thầy kêu con vô chùa xuất gia để Thầy nói Phật pháp cho con nghe, nay đã ba năm rồi tới giờ này con chưa nghe Thầy nói câu nào hết”*.

- Ngài Đạo Ngộ nói: *“Ta chưa từng không nói Phật pháp cho người”*.

- *“Ngài nói con hồi nào?”*

- *“Khi người bung nước lên ta vì người mà tiếp, người để cơm cho ta ăn ta vì người mà nhận, người xá lui ta vì người mà gạt đầu, chỗ nào không nói Phật pháp cho người?”*

Ngài Sùng Tín đứng suy nghĩ một hồi. Ngài Đạo Ngộ nói: *“Nhận thì ngay đó liền nhận, không được quyền để cho ý thức hoạt động”*. Ngay đó ngài Sùng Tín liền ngộ, nhận được đạo lý.

Khi Thiền sư nhận cơm, tiếp nước, gạt đầu đó là hình thức Bồ thí pháp. Vì cách Bồ thí đó bằng toàn tâm toàn ý của ngài muốn gọi mở đạo lý cho đương cơ nhận và được giác ngộ. Nếu như đó không phải là hành động Bồ thí pháp thì đệ tử mình không thể ngộ đạo được.

Học đạo Phật, học qua lịch sử của chư Tổ thì chúng ta mới thấy, Bồ thí pháp không còn hạn cuộc trong quyển sách, trong băng giảng, trong thời giảng nữa mà tất cả mọi thời mọi khắc nếu chúng ta được duyên lành gặp những vị tôn đức đã sáng mắt thì gần như không có hành động, không có cử chỉ nào mà các vị không muốn khai mở Phật pháp cho mình. Có khi các vị cư xử với chúng ta theo kiểu thuận hạnh,

tức là nói những lời giáo pháp đàng hoàng giáo lý đúng với chân lý cho mình nghe. Có khi các vị cư xử với chúng ta rất là khó chịu, có khi nạt, có khi rầy la, có khi hét, có khi đánh.

Như truyện của ngài Lâm Tế là người giới hạnh rất trang nghiêm. Khi vào đạo tràng của ngài Hoàng Bá thì ngài Lâm Tế tu rất tốt, một ngày mấy thời ngồi thiền, tụng kinh rất đàng hoàng, chưa có thời nào sơ suất hết. Ngài Trần Tôn Túc thấy hạnh Lâm Tế rất tốt và cơ duyên cũng gần tới rồi, nên mới xúi:

- *“Tại sao ngươi không lên Hòa thượng để hỏi Phật pháp đi?”* Lâm Tế nói:

- *“Chùng nào Hòa thượng dạy thì dạy chớ con không dám hỏi”*.

Nhiều lần ngài Trần Tôn Túc xúi như vậy nên cuối cùng Lâm Tế cũng lên hỏi. Vừa đánh lễ Hòa thượng, mới hỏi:

- *“Thế nào là đại ý Phật pháp?”*, liền bị ngài Hoàng Bá đập cho ba cây lên lưng đau điếng, không nói câu nào. Lâm Tế buồn quá, không hiểu gì, ngài Trần Tôn Túc hỏi:

- *“Ngươi lên Hòa thượng nói gì?”* Ngài trả lời:

- *“Con bị ba gậy thôi, chớ không hiểu gì?”*. Ngài Trần Tôn Túc nói:

- *“Ngươi phải kiên nhẫn đi lên một lần nữa đi, có khi Hòa thượng dạy cho ngươi đó”*.

Ngài Lâm Tế nghe lời lên lần nữa, vừa đánh lễ mới hỏi:

- *“Thế nào là đại ý Phật pháp?”* thì bị đập thêm ba gậy nữa, không nói câu nào.

Ngài Lâm Tế rất buồn, không biết tâm sự với ai thì ngài Trần Tôn Túc tới nữa, hỏi:

- “*Ngươi lên Hòa thượng dạy gì?*” Ngài trả lời:

- “*Không có đạo lý gì hết, tôi bị thêm ba gậy*”. Trần Tôn Túc nói:

- “*Thôi ngươi kiên nhẫn đi lên một lần nữa đi, lần nữa thôi, chắc chắn lần này Hòa thượng nói cho ngươi nghe*”.

Ngài Lâm Tế lên, vừa mới quỳ lạy Hoà thượng, hỏi:

- “*Thế nào là đại ý Phật pháp?*”, liền bị nện ba gậy nữa, lần này ngài khóc lu bù từ giã đại chúng luôn, ra đi không ở nữa.

Khi đi ngài Trần Tôn Túc nói: “*Trước khi rời khỏi đại chúng, ngươi cũng chịu khó lên chào ngài rồi đi*”.

Ngài Lâm Tế nghe lời, lên chào ngài Hoàng Bá, Hoàng Bá nói:

- “*Ngươi có đi đâu thì đi, nhớ lên thăm cha già Đại Ngu giùm ta rồi hãy đi*” (ngài Đại Ngu cũng là Thiền sư ngộ đạo).

Ngài Lâm Tế đến chào ngài Đại Ngu, ngài Đại Ngu liền hỏi: -- “*Ngươi từ đâu tới đây?*”

- “*Dạ con ở đạo tràng ngài Hoàng Bá tới*”.

- “*Chỗ đó Hoàng Bá dạy cái gì?*”

- “*Dạ ngài có dạy gì đâu, ba lần hỏi Phật pháp tôi đều bị đánh, tôi không hiểu có lỗi hay không lỗi chỗ này.*”

Ngài Đại Ngu thốt lên:

- “*Cái lão già Hoàng Bá từ bi với ngươi hết mực mà ngươi còn ở đó tìm lỗi hay không lỗi nữa*”.

Ngài Lâm Tế ngay đó ngộ, nói:

- “Đạo lý của cha già Hoàng Bá không có nhiều”.

Ngài Đại Ngu nói:

- “*Ê con quý đái dưới sàn, hồi nãy người nói có lỗi không lỗi, giờ người nói đạo lý Hoàng Bá không nhiều là ý chỉ gì?*”.

Ngài Lâm Tế co tay đấm vô hông ngài Đại Ngu một đấm, Đại Ngu đau quá la lên:

- “*Ê, chuyện này của Hoàng Bá không dính dáng gì tới ta, người đi về đó nói chuyện với ngài đi*”.

Khi ngộ rồi Lâm Tế mới quay trở lại đạo tràng ngài Hoàng Bá, lúc đó giữa mùa hạ. Ngài Hoàng Bá mới quở:

- “*Cái lão phong điền kia đập phá hạ, đi tới đi lui như thế thì việc tu tập của người như thế nào?*”

Ngài Lâm Tế nói:

- “*Nhờ ơn Hoà thượng cho nên giờ này con về đánh lễ tạ ơn Hoà thượng*”.

Hoàng Bá nói:

- “*Người hãy kể hết chuyện đó cho ta nghe*”.

Bao nhiêu chuyện ngài Lâm Tế thuật lại hết. Hoàng Bá thốt lên:

- “*Cái lão già Đại Ngu không biết xấu hổ, đợi khi ngài qua đây ta sẽ cho ngài ba mươi gậy*”.

Lâm Tế nói:

- “*Khỏi cần mai một, ngay bây giờ đây*”, liền đấm lại Hoàng Bá một đấm. Hoàng Bá la lên:

- “*Gã phong điền này đánh ta*”.

Chúng ta thấy các vị Tổ sư nói qua nói về, nói tới nói lui bằng đấm, bằng đá nhưng vẫn có người ngộ đạo. Đó mới gọi là Bồ thí pháp Ba la mật, nghĩa là làm cho đối tượng thoát khỏi lầm mê sanh tử luân hồi. Đây là điều hết sức đặc biệt.

Một người ngộ đạo rồi, họ không nói dư nửa lời với mình, họ đối xử với chúng ta không phải qua tình cảm, không phải là sự giao thiệp, đơn thuần dù là chuyện nhỏ các vị cũng muốn nói tới chuyện này, không bao giờ có hành động nhỏ nào mà các vị rời pháp, cho nên chúng ta có gặp vị Tổ sư thật sự thì chúng ta phải sẵn lòng tiếp nhận giáo lý của các vị, đừng hiểu các vị qua chuyện khác nữa, đủ cơ duyên chúng ta sẽ được ngộ. Còn nếu mình đến vì chuyện tình cảm, đến vì chuyện phúc đức thì các vị chỉ bồ thí cho chúng ta chừng đó, do cái tâm cầu của mình mà các vị chỉ dạy.

Câu chuyện về gia đình ngài Bàn Long Uẩn hết sức đặc biệt. Khởi đầu ngài Bàn Long Uẩn là một cư sĩ có tiền của, sau khi làm ăn có tiền rồi thì ngài thấy việc có tiền của cũng không đem lại sự bình an cho mình, không đem lại giải thoát cho mình, nên ngài đi hỏi đạo rất nhiều nơi. Ngài đặt câu hỏi hết sức đặc biệt: *“Thế nào là người không cùng vạn pháp làm bạn lữ?”* Vạn pháp là tất cả các pháp chúng ta thấy được, tai chúng ta nghe được, mũi chúng ta ngửi được, lưỡi chúng ta nếm được, thân chúng ta xúc chạm được, ý chúng ta duyên tới được. Người không cùng vạn pháp làm bạn là cái người không dính mắc tới các pháp, một câu hỏi hết sức bóng bẩy.

Bàn Long Uẩn vừa hỏi câu đó là ngài Thạch Đầu bụm miệng, thì Bàn Long Uẩn có một chút tỉnh, như là có nhận ra đạo lý gì đó. ngài về tu một thời gian, một hôm ông



tới ngài Mã Tổ, cũng lại hỏi câu đó, thì ngài Mã Tổ nói: “*Nếu người hả hống mà hóp một ngum hết nước sông Tây Giang này ta sẽ vì người mà nói*”. Ngay câu này Bàng Long Uẩn ngộ đạo.

Khi một người tìm cầu đến đạo lý siêu thoát, tới chỗ tận cùng của đạo lý, tức là tìm ra cái con người không dính mắc tới trần thế này, một con người lục căn không hề nhuốm bận lục trần nữa, đó là người mà ngài Bàng Long Uẩn tìm. Tức là khi đến với đạo lý là người đó phải có quyết tâm, phải có cái tìm cầu hết sức sâu xa trong Phật pháp, thì sẽ tiếp nhận được đạo lý sâu xa. Còn nếu mình tới đạo lý tìm ở chừng hạn nào đó, thì chúng ta chỉ hiểu một chừng hạn nào đó mà thôi.

Ví dụ vào đạo tràng này, chúng ta chỉ mong mỗi hiểu kinh thì chúng ta sẽ có được duyên lành là có người giảng kinh để chúng ta nghe, chúng ta hiểu. Hoặc chúng ta chỉ muốn biết một bài kinh tụng nào đó thôi, thì chúng ta tìm cho ra quyển kinh nào đó dạy nghi thức tụng là đủ rồi. Cho nên nếu chúng ta muốn thực sự đến chỗ Ba la mật, tức là chỗ giác ngộ giải thoát thì tự trong thân tâm của tất cả những người tu Phật chúng ta phải có nhiệt huyết tìm cầu rất mãnh liệt, quyết tâm đi tới đạo Phật bằng tất cả mọi giá, dù có bỏ thân mạng chúng ta cũng phải tìm cho ra được giác ngộ giải thoát. Chúng ta phải có sự quyết liệt đó thì duyên lành sẽ tới với mình, mình sẽ gặp người có đủ đạo lý giúp mình. Còn nếu như chúng ta chỉ muốn biết một chừng nào để thôi, thì chúng ta cũng chỉ gặp một người trong chừng hạn đó, chúng ta không gặp được Thiện tri thức chân chánh thật sự để khai thị cho mình.

Đối với đạo Phật thì người học Phật và người truyền đạo có cái gì tương ứng với nhau, tức là tâm mình duyên tới đâu thì mình sẽ được duyên lành tiếp nhận đạo lý đó. Thành ra thường các vị Tổ sư, có khi là các vị ở chùa cả đời mà không gặp người thiết tha cầu đạo lý thì các vị cũng không nói câu nào, vì các vị có nói cũng thành thừa, có nói ra người ta cũng không hiểu điều gì, cho nên sống một đời trong chùa không thấy vị đó giảng thuyết gì. Nhưng đừng nghĩ những vị không giảng thuyết câu nào là vị đó không hiểu biết đạo lý là chúng ta đã lầm. Vì chưa có duyên là một, chưa gặp người là hai, nên các vị không nói.

Trong nhà Thiên có câu: *“Gặp tay kiếm khách nên trình kiếm, không phải nhà thơ chớ nói thơ”*. Do vậy với người này vào chùa thì vị thầy tiếp kiểu này, vị kia vào chùa thầy tiếp kiểu khác. Đa số những vị sáng mắt (đã ngộ đạo) trong cõi đời này rồi thì các vị đã soi thấu khi mình mới tới chùa chứ không chờ ngồi đối diện hỏi đi hỏi lại. Các vị biết mình trình độ nào, biết mình căn cơ nào, các vị dạy mình tương ứng như thế, không thể dạy hơn được. Nhiều khi mình muốn nghe một giáo lý khác nhưng mình không nghe được, chỉ nghe được ngang tầm tâm của mình, ngang tầm hiểu biết, ngang tầm tri kiến, ngang tầm công phu. Có khi chúng ta gặp vị có đạo lý sâu mà chúng ta không nghe được, không phải vị thầy đó ghét mình, không phải ngài muốn giấu đạo lý với mình nhưng thực sự lúc này mình không thể nghe được đạo lý đó, nên các vị nói đạo lý khác cho xứng tầm với mình để mình tiếp nhận, đó là cách quán cơ trong đạo Thiên.

Về quán cơ, trong lịch sử có truyện ngài Đôn Hà. Đầu tiên ngài Đôn Hà đến gặp ngài Mã Tổ, vừa giờ nón ra là ngài Mã Tổ đã nói:

- *“Thầy ngươi là Thạch Đầu không phải ta”*.

Ngài Đôn Hà đi tới đạo tràng của ngài Thạch Đầu, vừa giờ nón ra là ngài Thạch Đầu nói:

- *“Xuống bếp làm công quả đi con”*.

Tức là đã nhận làm đệ tử. Khi ở trong đạo tràng của ngài Thạch Đầu rồi, công quả đúng ba năm, bữa đó ngài Thạch Đầu nói:

- *“Bữa nay sẽ làm cỏ trước điện Phật.”*

Toàn chúng vác cuốc, vác giá ra sân để làm cỏ. Riêng ngài Đôn Hà bung một thau nước để giữa chánh điện quý gối ở đó. Ngài Thạch Đầu biết ngài Đôn Hà hiểu ý nên xách dao cạo đầu ngài Đôn Hà, rồi chuẩn bị nói giới.

Ngài Đôn Hà bị lỗ tai không nghe giới, đi thẳng về đạo tràng của ngài Mã Tổ leo lên tượng thánh tăng đang thờ ngài. Đại chúng hoảng quá chạy kêu ngài Mã Tổ nói có ông điên nào không biết đang leo lên cỏ tượng trong Chánh điện. Ngài Mã Tổ lên tới hiểu ý Đôn Hà, tức là nhờ ơn ngài Mã Tổ mà Đôn Hà được ở trong đạo tràng Thạch Đầu mà ngộ đạo, nên sau khi được ngài Thạch Đầu cạo đầu rồi thì quay về đây xin Pháp danh. Ngài Mã Tổ nói liền: *“Thiên Nhiên con ta”*. Ngài Đôn Hà xuống đánh lễ cảm ơn Hòa thượng đã đặt Pháp danh cho con, các vị hiểu ý nhau đến mức độ đó, các vị học đạo ngày xưa thấu thoát nhau như thế!

Chúng ta thấy thường các vị sáng mắt gặp mình thì các vị có lời dạy hết sức đặc biệt, cho nên đa số các vị cầu học Phật pháp hay đi hành cước (tìm thầy học đạo). Họ không

đơn thuần là ở đạo tràng của mình mà đi rày đây mai đó để tìm Chân sư. Khi tìm được bậc Chân sư rồi, với tất cả tâm huyết cầu học Phật pháp của mình, các bậc Chân sư thấy được tâm đó mà khai thị.

Ngày xưa trong lịch sử Trung Hoa, các vị đi hành cước rất nhiều, nay đạo tràng này mai đạo tràng kia, không ở một chỗ. Thời thịnh, đất nước Trung Hoa, các vị ngộ đạo rất nhiều nên các vị khai thị được đại chúng, có những đạo tràng lên tới vài ngàn người. Cho nên việc Bồ thí pháp Ba la mật chuẩn mực đòi hỏi là họ phải được giác ngộ giải thoát. Từng hành động nhỏ, cử chỉ nhỏ cũng đưa người kia tới giác ngộ giải thoát. Mục đích chính muốn đương cơ được giác ngộ như mình. Tất cả các bậc giác ngộ không bao giờ bím Pháp, tức là không giấu gì cho mình.

Chúng ta là cư sĩ, nếu nói mình không Bồ thí pháp Ba la mật thì sẽ mất duyên lành của mình. Bây giờ mình chưa giác ngộ, mà mình muốn tặng cho huynh đệ một quyển kinh thì mình phải làm sao?

Lúc đó chúng ta phải có tâm niệm tìm cầu sự giác ngộ giải thoát. Thứ nhất là mình phải khởi tâm ngay trong đời này, quyết tâm đi theo đạo Phật đạt tới giác ngộ giải thoát thì mới thôi. Nếu đời này không được thì nguyện đời đời kiếp kiếp sanh ra được gặp Chánh pháp, được gặp Minh sư để mình tu cho tới ngày được giác ngộ giải thoát. Rồi mình cũng nghĩ huynh đệ khi đọc được bài giảng Phật pháp thì họ cũng nhận ra chân lý, được giác ngộ giải thoát. Tức là chúng ta bằng tâm đó mà tặng huynh đệ, chứ không phải là nay tôi tặng huynh đệ quyển kinh, mong rằng nhân quả đời sau tôi ra đời sẽ được thông minh hơn, được phước báo gần gũi Phật

pháp mà vì việc giác ngộ giải thoát cho người đó mà chúng ta làm.

Đó là cách chúng ta có thể làm, mặc dù chúng ta không đủ sức tự mình khai thị cho người khác, tự mình không đủ sức thuyết giảng cho người khác được giác ngộ giải thoát thì chúng ta có thể mượn một phương tiện mà đối với mình nó có giá trị để dẫn dắt người khác tới giác ngộ giải thoát là chúng ta làm, đó là cách Bồ thí pháp của mình.

Thực sự bồ thí đó chưa phải là Ba la mật. Chúng ta chỉ gieo nhân để đi đến chỗ Ba la mật mà thôi. Điểm chính là bản thân mình phải gieo nhân giải thoát và mong mỗi mọi người khi nhận được Pháp này cũng nhận được đạo lý giác ngộ giải thoát. Vậy là nó sẽ tương ứng với nhân quả, một ngày nào đó chúng ta sẽ được đạo lý giác ngộ giải thoát cho chính bản thân mình. Khi được giác ngộ giải thoát thì đó là điều rất quý trong trần gian này, việc làm nào chúng ta cũng làm đúng với Chánh pháp, cũng có đủ khả năng để khai thị người khác, đó là Bồ thí pháp Ba la mật.

#### **4. Bồ Thí Vô Úy Ba la mật**

Tức là chúng ta đem lại sự không sợ hãi cho người khác và vượt qua bờ bên kia, chứ không phải sự sợ hãi bình thường.

Trong cuộc đời này chúng ta có sợ không? Ví dụ như hồi nhỏ còn là học sinh chúng ta sợ thi không lên lớp, sợ học không bằng bạn bè. Từ lúc chúng ta sinh ra trong cuộc đời này, từ lúc chúng ta có sự hiểu biết, có sự so sánh là chúng ta bắt đầu có sự sợ hãi. Ngay cả khi niệm Phật, chúng ta có bao nhiêu nỗi sợ? Sợ đau chân, sợ ngủ gục, sợ muỗi cắn, sợ nóng nực, sợ không ngồi đủ giờ như quy định. Trong cuộc sống

hàng ngày chúng ta sợ bước chân ra đường sẽ bị tai nạn, sợ gió bão.... Không lúc nào chúng ta không sợ, không có việc nhỏ nào mó tay tới mà chúng ta không sợ hãi. Người sáng mắt phải chỉ dạy để chúng ta ra khỏi sự sợ hãi này. Nếu chúng ta đều bị sự sợ hãi hoài thì rõ ràng việc tu tập chúng ta sẽ bất an hoài. Còn vọng động là còn sợ hãi, còn sợ hãi là còn bất an, vậy là đời tu tập của chúng ta sẽ không giác ngộ giải thoát.

Người đời làm ăn thì sợ thua lỗ, làm công nhân thì sợ thất nghiệp, tới tháng sợ giám đốc không trả lương, sáng ra đường sợ không có ngày quay về, ăn cũng sợ, mặc cũng sợ, ngủ cũng sợ, gần như trong cuộc đời này không có cái gì mà chúng ta không sợ. Nếu chúng ta thấy người này sợ bệnh, chúng ta khuyên họ sống cách nào đó để họ đừng có bệnh, họ làm theo và họ được an tâm thì họ chỉ hết cái sợ có một chút xíu thôi nhưng mai một họ lại sợ chuyện mất tiền thì sao? Nếu trần gian này giải quyết từng cái sợ nhỏ thì chắc chắn họ còn sợ hoài. Cái sợ lớn nhất là sợ sanh tử, Phật pháp đem đến cái gì để chúng ta không sợ hãi, đó mới là vấn đề.

Đối với đạo Phật chúng ta có một giáo lý, một Pháp tu, một cách thức nào đó làm cho người khác không sợ sanh tử nữa, tức là tự tại trong sanh tử gọi là Bồ thí Vô úy Ba la mật. Người đời hay người xuất gia không sợ sanh tử thì không có chuyện gì trên trần gian này để mình sợ nữa. Nhưng nếu mình sợ sanh tử thì đủ thứ chuyện để mình sợ, vì vậy mà một người tu theo đạo Phật, chúng ta học đạo cách nào đó để chúng ta không còn sợ sanh tử nữa. Bằng kinh nghiệm không sợ sanh tử, chúng ta có thể đi giúp bạn bè mình, giảng dạy, khai thị cho những người xung quanh, còn nếu chúng ta còn sợ sanh tử thì không làm việc Bồ thí Vô úy Ba la mật được.

Ở đây có ai hết sợ sanh tử chưa? Thấy vậy nhưng rất khó. Chúng ta học đạo làm sao để mở mắt huệ mình ra, đối với sanh tử mình không còn quan trọng nữa, muốn chết giờ nào cứ chết, chúng ta không còn lo sợ. Người hết sợ chết là như thế nào? Là người đó biết rất rõ sau khi bỏ thân mạng này mình sẽ đi đâu, thành cái gì thì mới hết sợ chết. Một người học Phật pháp mà sợ sanh tử là người đó chưa đủ căn bản Phật pháp, vì sanh tử đối với chúng ta là vô tận. Chúng ta đã từng bị sanh tử luân hồi, không biết bao nhiêu tỷ kiếp rồi và ngồi đây nhìn về sanh tử sắp tới không biết chừng nào mới dừng lại, sanh tử đối với mình là mù mịt, bỏ thân này rồi mình sẽ ra sao?

Làm sao trong một đời học đạo của chúng ta, đối với sanh tử chúng ta không còn lằm, mình phải rất rõ ràng trong chuyện này. Nếu chúng ta thực sự còn lằm sanh tử thì chúng ta phải lo. Cho nên dù là người già, người trẻ, người giàu, người nghèo khi sanh ra đời này có bộ óc để tư duy thì ta nên đặt vấn đề này làm trọng tâm. Dù chúng ta có chức quyền, có danh cao tột đỉnh thì tất cả những điều đó không đủ sức giải quyết sanh tử, chúng ta phải có định hướng cho mình.

Tất cả những việc có ra trong trần gian này là được thêm sanh tử chứ không có bớt ra, chúng ta phải kiểm tra kỹ lại. Những phương tiện vật chất có ra trong trần gian này là những cái sẽ đưa chúng ta đi đâu? Về đâu? Khi chúng ta thấy hết giá trị của cuộc sống này rồi thì chúng ta mới quay trở lại nơi Đức Phật, Đức Phật chỉ muốn dạy chúng ta đến giác ngộ giải thoát. Còn ngược lại, chúng ta vẫn còn vướng mắc trong vật chất, trong danh lợi, trong tiền tài, là còn vướng mắc trở lại trần gian này. Chúng ta chưa thấy rõ giá trị thật

của vật chất, chưa thấy rõ giá trị thật của vòng sanh tử luân hồi.

Nhìn lại một thời niệm Phật của mình thôi, chúng ta có làm chủ được trọn vẹn một tiếng đồng hồ không, chừng đó đã khó rồi. Nếu mình quyết tâm đem hết sức lực bình sinh để tu trong một tiếng đồng hồ nghiêm túc, đừng có vọng động, đừng có thương ghét giận ai đó, có dễ không? Rất khó!

Một ngày hai mươi bốn tiếng đồng hồ mà chỉ có một tiếng đồng hồ mình tu tập không tốt là coi như mất trắng, ngày nào mình cũng gieo mầm sanh tử mới hết. Chúng ta giận một người là chúng ta tiếp tục gieo mầm sanh tử mới, chúng ta thương một người là chúng ta bắt đầu gieo mầm sanh tử mới mà mình cứ làm như vậy hoài không chịu dừng. Chứng tỏ rằng chúng ta chưa sợ sanh tử, chúng ta vẫn còn thích sanh tử quá. Nếu thực sự chúng ta muốn lìa thoát sanh tử thì phải dừng lại cái tâm hướng tới sanh tử. Tức là những ý niệm của chúng ta ham muốn là ý niệm sanh tử, người học Phật mà không biết dừng lại là cả đời chúng ta luẩn quẩn, không giải quyết được chuyện chính của mình.

Nếu chúng ta tự chủ dừng lại được ngay khi khởi nghĩ thì coi như chúng ta tạm được gọi là người thắng cuộc. Liên tục ngồi tu một tiếng, chúng ta liên tục thắng được nguồn sanh tử nơi tâm mình tức là thời đó ta làm chủ sanh tử được một tiếng. Nếu ngồi tu hai tiếng, mình làm chủ được hai tiếng, ba tiếng làm chủ được ba tiếng, hai mươi bốn tiếng mình làm chủ được hai mươi bốn tiếng thì chắc chắn khi chết mình sẽ được làm chủ, chúng ta muốn về đâu là theo ý mình.

Còn bây giờ mình không làm chủ được, vọng tưởng khởi là nó cuốn mình đi thì khi bỏ thân mạng này chúng ta bị



cuốn trôi không cưỡng lại được. Sức hút của nghiệp tập, sự trôi lăn của dòng sanh tử, nó cuốn chúng ta đi tới chỗ khổ chúng ta bị khổ tiếp, tới chỗ vui chúng ta vui được một chút, cứ mãi mãi như vậy, chúng ta không dừng lại được.

Người tu Phật đòi hỏi chúng ta phải có tự chủ ngay trong đời sống này. Nếu một giây chúng ta tự chủ thì chúng ta sẽ có được tự chủ một chút trong dòng sanh tử sắp tới. Chúng ta tự chủ được một giờ thì chúng ta sẽ có được một giờ tự chủ trong sanh tử sắp tới. Đây là điều rất cần, điểm yếu này mà chúng ta không có, không đạt được thì không biết là chúng ta tu cái gì. Mình ngồi đây mà mình không làm chủ được mình, mình không biết mình nghĩ gì, làm gì, mình sẽ ra sao khi bỏ thân này thì sanh tử chắc chắn sẽ hút chúng ta đi mang lông đội sừng, khi giật mình ra là có hai cái sừng trên đầu rồi, lúc đó chỉ biết ăn cỏ, chỉ biết mang ách thoi, khổ vô cùng, đó là chuyện chúng ta phải lo.

Sanh tử trở thành quan trọng nhất cho đời mình, dù chúng ta còn sống trong thế gian, chúng ta còn làm ăn, còn tạo ra đồng tiền cho chính mình, còn tạo phương tiện sống cho chính mình nhưng chúng ta phải thấy đó chỉ là việc phụ. Có phương tiện để đủ điều kiện chúng ta giải quyết sanh tử cho mình, chứ không phải có đầy đủ phương tiện để chúng ta hưởng thụ. Hưởng thụ chừng nào thì càng lún sâu trong sanh tử chừng đó. Con đường nào mà chúng ta già từ được sanh tử thì chúng ta phải đi. Cái cách thức nào, đường lối nào mà dứt trừ được sanh tử là chúng ta phải làm, không được chần chừ. Vì chắc chắn rằng với những người đang ngồi đây, không ai có đủ tuổi thọ để sống được vài trăm năm cả, ngày chết nó báo từng ngày. Mỗi một ngày sống là mỗi một ngày

tuổi thọ chúng ta giảm dần, trí não chúng ta bị cùn lụt, bị tiêu hao, nó sẽ bị mờ đi một chút khiến chúng ta không đủ trí lực để dừng lại sanh tử nơi tâm. Càng lúc chúng ta càng bị cuốn trôi và cuối đời chúng ta trôi đi đâu không biết.

Ngay tại đây, tất cả chúng ta đều phải lo, mặc dù học giáo lý Đức Phật rất nhiều nhưng nếu chúng ta không có thời gian công phu, không đặt lại vấn đề trọng tâm này thì đời chúng ta sống hết sức uổng phí. Chẳng lẽ mình sống một đời mấy chục năm rồi, xuôi tay để sanh tử muốn cuốn đi đâu thì cuốn. Nguyên một đời này mà mình không gom được một chút lực nào đó để làm chủ sanh tử thì thật là uổng phí.

Ngồi nghĩ lại xem, ai chọc mình một câu là mình quay lại cự lộn, thậm chí còn đánh lộn, thưa ra toà, vô tù ngồi lúc đó mới ân hận, ủa làm sao tự nhiên mình phải giận quá như vậy, khi biết ra thì đã quá trễ. Nhưng mình tu rồi thì không đến độ như vậy, đừng chuyện không nói, không chửi, không gây mà ở trong lòng không yên, nghĩ tới người đó là tức lên, nhiều khi đang ăn cơm ngon vậy mà nghĩ tới là nghẹn ăn không vô, rõ ràng chuyện sanh tử nó đã làm khổ mình rất nhiều ngay trong đời này. Chưa nói tới chuyện thiếu cơm, thiếu áo, thời tiết, thiên tai, dịch họa để chúng ta phải khổ, những cái khổ đó gom lại cả đời chúng ta không biết sợ thì rõ ràng là chúng ta chưa có trí.

Học Phật, đối với chuyện sanh tử, ban đầu chúng ta phải có ý niệm thoát ly, có quyết tâm dừng lại cho được với chính mình trong đời này. Ví dụ, chúng ta học hiểu được lý vô thường chúng ta sẽ nhẹ bớt đi sự dính mắc của vật chất, danh lợi, tiền tài. Khi chúng ta hiểu được nhân quả thì ta nhẹ đi sự sợ hãi, tính toán, hơn thua, để mỗi lần học Phật là mỗi

lần chúng ta rơi rụng, tiêu bớt một số dính mắc không cần thiết.

Học Phật có hai lối: Một lối để chúng ta tăng thêm kiến thức và một lối để chúng ta tiêu trừ nghiệp tập. Nếu chúng ta gặp được những bản kinh, những bài giảng nào mà hướng dẫn để chúng ta tiêu bớt nghiệp tập thì đó được gọi là kinh điển chuyên môn. Còn dạng tri thức thì làm chúng ta tăng sự hiểu biết. Thực sự cả đời của mình nếu đi theo con đường chuyên môn, gặp một vị có chuyên môn thực sự, nhiều khi tu cả đời chúng ta vẫn không giải quyết được nghiệp tập, huống chi là đi theo con đường kiến thức, nó sẽ kéo dài thêm cuộc sanh tử của chúng ta.

Từng giờ phút trong cuộc đời, nếu chúng ta biết tu thì không có phút giây nào chúng ta không tỉnh táo để thấy được chính mình, thấy cái đúng cái sai nơi mình để tự rơi rụng, tự cắt đứt, tự dừng lại việc sanh tử để cho mình có nội lực. Trong đạo Phật nếu một lần chúng ta dùng được ý niệm xấu là một lần tự tâm ta có một chút lực, nếu nhiều lần trong ngày chúng ta làm được điều đó thì ngày đó có nội lực. Khi đối duyên xúc cảnh chúng ta có sức tự chủ, việc khó khăn phiền muộn trước kia chỉ giải quyết trong một phút là dứt hết, không còn mang mền trong tâm nữa. Vậy mới được gọi là chúng ta làm chủ, sanh tử mình mới không sợ, nếu như ngộ đạo thì điều đó hết sức tuyệt vời.

Kinh A Di Đà dạy, tất cả chúng sanh đều có tự tánh Vô lượng thọ, Vô lượng quang của chính mình, là tuổi thọ vô lượng, không sanh không diệt, là ánh sáng tròn đầy của tất cả chúng sanh, trùm khắp pháp giới mười phương, không có chỗ nào nó không biết, chúng sanh nào cũng có điều này cả. Khi

một người học Phật, chúng ta hiểu ở nơi mình có điều này thì chúng ta tìm cách nhận ra ở chính mình, người đó không bị sanh tử cuốn trôi nữa, được tới chừng đó thì mới chắc chắn mình không sợ sanh tử. Người nào chưa nhận ra được Vô lượng thọ, Vô lượng quang của chính mình thì việc sanh tử nó còn cuốn trôi mình hoài.

Hệ thống kinh Nguyên thủy, quyển Tăng Chi Bộ kinh, Đức Phật có dạy: *“Có cái không sanh, không tác thành, không hiện hữu, không làm ra. Do có cái không sanh, không tác thành, không hiện hữu, không làm ra mà ta mới nói chuyện thoát ly sanh già bệnh chết. Nếu như không có cái không sanh, không tác thành, không hiện hữu, không làm ra đó thì lấy đâu mà Như Lai nói chuyện thoát khỏi sanh già bệnh chết”*. Tức là Đức Phật nói chúng sanh có cái không tạo tác mà thành, nó không hiện hữu thành hình tướng và cũng không phải do làm mà có được. Chính chúng sanh có cái bất sanh bất diệt đó rồi, cho nên Đức Như Lai mới nói chuyện thoát khỏi sanh già bệnh chết. Nếu không có cái bất sanh bất diệt thì lấy đâu Đức Như Lai nói chuyện thoát khỏi sanh già bệnh chết. Ví như chúng ta bị nhốt trong nhà đóng kín cửa, nếu không có khoảng trời không bên ngoài trống trải tự do thì mình phá cửa ra để làm gì. Tức là vốn có cái bất sanh bất diệt ở ngoài thân ngũ uẩn sanh diệt này thì Đức Phật mới nói tới chuyện thoát khỏi sanh già bệnh chết.

Nếu chúng ta học đạo mà không tin, không nhận được điều này thì rất uổng phí cuộc đời của mình. Bất kỳ một người nào nếu tin được ở nơi mình có cái không sanh không diệt, có cái sáng suốt nhiệm màu đó thì chúng ta có điểm tựa rất vững cho mình. Tìm bất kỳ điểm tựa nào, tìm bất kỳ giáo lý

nào, tìm những vị chuyên môn nào mà đủ sức để giúp đỡ chúng ta nhận ra cái không sanh không diệt thì chúng ta phải bỏ công, bỏ sức ra làm.

Nếu như một người muốn Bồ thí Vô úy Ba la mật thì người đó phải đủ chuẩn ở trong chân trời bất sanh bất diệt, ở chỗ không còn bị sanh tử tiếp nối, ở chỗ Vô lượng thọ, Vô lượng quang mà đi giúp mọi người. Từng cử chỉ nhỏ, từng lời nói nhỏ đều dẫn dắt người ta ra khỏi sanh tử luân hồi, để thấy được sanh tử luân hồi là cái gì đó nó huyền ảo, không thật.

Có cái thật mà Đức Phật nói trong kinh Pháp Hoa là tri kiến Phật. Kinh A Di Đà thì nói Vô lượng thọ, Vô lượng quang. Còn Thiên tông thì nói tới bất sanh, bất diệt. Chúng ta thấy là trong cả hệ thống giáo lý của Đức Phật đều nói tới bất sanh bất diệt. Cái sáng suốt nhiệm màu đó là cái vốn có của mình, làm sao người học Phật phải nhận biết để mình tinh tấn tu tập, dứt trừ những mầm mống sanh tử luân hồi, hoà nhập vào bất sanh bất diệt thì đó mới là chỗ nương về của mình. Khi chúng ta làm được điều đó thì chúng ta mới giúp đỡ người khác tới chỗ giác ngộ giải thoát, không còn sợ sanh tử, thoát khỏi sợ hãi thì mới gọi là Bồ thí Vô úy Ba la mật.

## II. TRÌ GIỚI BA LA MẬT

Chúng ta đã từng học hỏi đạo lý rồi, chúng ta cũng nghe trong Tam vô lậu học thì giới vô lậu là một trong những điều hết sức quan trọng đối với đạo Phật. Trong Luật cũng có nói: *“Giới là mạng mạch của Phật pháp, nếu giới luật còn thì Phật pháp còn, giới luật mất thì Phật pháp mất.”* Vì vậy

giới hết sức quan trọng đối với người tu, dù chúng ta là cư sĩ tại gia hoặc là xuất gia theo đạo Phật, nếu giới pháp không tinh nghiêm thì không thể đạt được tận cùng của đạo lý, tức đạt quả vô lậu giải thoát.

Trong kinh cũng có lần nhắc lại câu chuyện một vị Bà la môn hỏi Đức Phật: *“Tại sao những vị tu sĩ Bà la môn cũng bỏ gia đình và cũng tu học giống như đệ tử của Cù Đàm nhưng đệ tử của Ngài thì chứng được quả Vô lậu giải thoát, còn đệ tử của ta thì không chứng được?”*. Lúc đó, Đức Phật trả lời một câu hết sức gọn: *“Vì đệ tử của ta đã gìn giữ thanh tịnh giới pháp”*.

Trước khi Đức Phật nhập Niết bàn thì chúng Tăng đánh lễ thưa Thế Tôn: *“Sau khi ngài nhập Niết bàn rồi thì chúng con phải nương tựa vào đâu, phải lấy ai để làm Thầy?”* Đức Phật trả lời: *“Phải lấy Ba la đề mộc xoa để nương tựa, và phải gìn giữ tôn trọng cung kính Ba la đề mộc xoa cũng như cung kính một vị Thầy của mình”*. Tức là đều phải lấy giới làm thầy. Giới là chỗ nương tựa vững chắc cho người tu học Phật pháp.

Hôm nay chúng ta bàn về *Giới Ba la mật*. Nếu không phải là người chuyên môn về Luật học thì ít ra chúng ta phải hiểu giới luật của đạo Phật qua tinh thần giác ngộ và giải thoát. Chúng ta học giới là học tinh thần giải thoát chứ không phải học giới ràng buộc.

Giới luật của đạo lý giải thoát được xuất phát từ kim khẩu của bậc giác ngộ giải thoát nói ra, do đó phải mang tính giải thoát ngay từ đầu, chứ giới luật không phải là điều răn cấm. Giới phiên âm chữ Phạn là Si la, dịch ra tiếng Trung Hoa là biệt biệt phần giải thoát. Có nghĩa là người nào giữ

giới nào thì sẽ giải thoát được điều đó, chúng ta hiểu theo tinh thần này trước. Nếu thấy rằng chúng ta được thọ giới của đạo Phật là mấy điều này ràng buộc mình phải làm thế này, không làm được thế kia, để cho chúng ta bị mất tự do thì người đó đã hiểu lầm đạo Phật. Đây là điều rất quan trọng.

Một lần tôi gặp một Phật tử nữ, có quan hệ thân thiết về dòng họ, tôi khuyên cô nên quy y đạo Phật, vì tôi thấy tâm cô tốt nếu quy y cô sẽ tiến bộ rất nhiều. Cô trả lời, con sợ quy y đạo Phật có những giới sợ bị tội vì giữ không được, thà không biết thì thôi. Giữa người biết và người không biết khác nhau rất lớn. Ví dụ, đứa bé không biết cục lửa nóng, nó thò tay vô sẽ bị phỏng tay, còn người lớn mình biết cục lửa nó nóng mình không đưa tay vào nên không bị phỏng. Có hiểu biết thêm một chút thì có lợi chứ không có hại. Nếu mình hoàn toàn không biết điều gì đúng sai mà làm thì đương nhiên nhân quả hiểu biết và nhân quả không hiểu biết đều có, đừng nghĩ mình không biết điều gì mình làm không tội, người ta biết người ta làm mới bị tội.

Chúng ta hiểu rõ tinh thần giác ngộ của đạo Phật rồi thì chúng ta sẽ có điều lợi là biết rõ cái gì làm có lợi và cái gì không lợi ích cho chúng ta trong cuộc đời này. Giới luật của đạo Phật không mang tính giới điều. Người mới vừa đến đạo Phật, do sự hiểu biết của mình còn non kém nên Đức Phật dạy chúng ta giữ năm giới thôi. Khả năng trình độ tu tập ngang chùng nào thì Đức Phật dạy chúng ta cái thấy hiểu về cuộc sống giới pháp chùng đó. Nếu chúng ta tiến thêm nữa, Đức Phật sẽ mở nhiều giới hơn thì chúng ta biết nhiều cửa ngõ đi đến giác ngộ giải thoát hơn.

Từ giới mới sanh định, từ định mới sanh huệ. Do vậy nếu một người không giữ giới thì rất khó đi vào thiền định. Giá trị của giới giúp ta được bình yên ngay từ buổi đầu cho tới khi chúng ta đạt được giác ngộ giải thoát. Nếu như chúng ta sống sai với những điều này thì tự động chúng ta bị bất an chứ không có lỗi với ai cả.

Người học Phật phải biết thêm một số điều nữa về giới là biết được *tánh giới* và *tướng giới*. Tánh giới là dù chư Phật có ra đời hay không có chư Phật ra đời thì bất kỳ ai phạm đến cũng đều có lỗi. Trong bốn trọng giới của đạo Phật, giới sát sanh được xem là tánh giới, nếu chúng ta giết người thì dù có theo đạo Phật hay không thì người ta vẫn xem là phạm tội. Giới trộm cắp cũng vậy. Giới tà hạnh nếu bị phạm sẽ bị xã hội khinh chê, lỗi lầm. Giới vọng ngữ dù phạm trong bất kỳ thời nào con người cũng bị mất giá trị, xem như tội lỗi lớn. Bốn trọng giới nếu ta phạm đều có nhân quả xấu, bị xã hội trừng trị. Ở về mặt giới pháp của Đại thừa, tánh giới là nói về tâm giới cho nên có những giới chúng ta phạm ở tướng mà tánh không phạm.

Chúng ta không nói vọng ngữ là chúng ta trì giới, *tác* là phạm giới nhưng có trường hợp nói vọng ngữ thì *tác* là trì mà chỉ là phạm. Ví dụ trong chiến tranh, có người chạy trốn, khi người đuổi bắt tới hỏi chúng ta có thấy tội phạm chạy qua đây không, nếu chúng ta *chỉ* trì (giữ giới) nói thiệt chỉ chỗ trốn của tội phạm thì người đó sẽ bị chết là ta phạm tội sát sanh cộng với người khác. Nếu chúng ta *tác* (phạm) phá giới nói láo là không có người đó ở đây, là chúng ta đã giữ được mạng người khác cho nên không bị phạm giới (thì *tác* là trì).



Chúng ta cứu giúp người không phải là tham tâm hay vì sân tâm.

Có những giới chúng ta vừa tác niệm là chúng ta đã phạm rồi nhưng có những giới làm nên hình tướng là sai lầm, nhưng trong thâm tâm không bị vướng mắc trở lại thì gọi là tánh giới không phạm. Điều này rất khó giữ và có người lạm dụng để phạm. Lục Tổ nói: *“Tâm bình thì nhọc chi trì giới”*, có nghĩa là tâm bình lặng thì không phạm.

Trong sử nhà Thiên có truyện của ngài Nam Truyền: Bữa đó trong chúng tranh nhau một con mèo, đem lên ngài xử. Ngài nói ta cầm con mèo ở đây, nếu ai nói được một câu thì con mèo này thuộc về người đó, còn không thì ta chém đầu con mèo này. Cuối cùng trong chúng không ai nói được cả, buộc ngài phải chặt đầu con mèo nhưng không phải vì tâm sân hận, oán ghét.

Ngài Tế Công Hòa thượng uống rượu li bì và ăn mặc xộc xệch, đó là lúc Ngài rèn tâm. Ngài không phải vì ghiền rượu mà uống, không phải thèm thịt mà ăn, chuyện của các bậc cao tăng thạc đức, chúng ta không thể lường được.

Ngài Chí Công thời vua Lương Võ Đế, có tật ăn chim bồ câu quay. Bữa đó, người làm bếp thối mắc không biết vì sao ngài hay ăn thịt bồ câu, nên ông lén ăn thử cái cánh. Ngài Chí Công ăn xong rồi mới nói vua kêu đầu bếp ra hỏi: *“Ai ăn mất cánh chim bồ câu?”* Ông đầu bếp chối: *“Không có ai ăn cả, lúc nãy đem ra ba con đủ mà”*. Ngài Chí công nói: *“Người phải nhận cái này chớ không nhận là không được, ta sẽ chứng minh cho người biết là người có ăn”*. Lúc đó, ngài hả miệng ra thì hai con chim bay ra, còn con chim mất cánh rớt lại. Bậc tôn đức làm chuyện chúng ta không hiểu nổi, ngài

ăn để ngài làm gì đó để độ con bồ câu được siêu thoát. Chúng ta thấy ngài làm việc in tuồng như sai mà thực sự không sai, cho nên giới pháp đạo Phật nếu phạm cả đôi (tánh và tướng) thì nhân quả rất nặng.

Khi chúng ta tu đến trình độ hoàn toàn tâm bình lặng thì dù chúng ta làm bất kỳ chuyện gì, đều nhắm đến lợi lạc người khác mới làm, không vì việc riêng của mình thì nhìn bên ngoài giống như phạm giới nhưng sự thật không. Như cha mẹ đánh con, người ngoài thấy cho rằng ông này sân hận đánh đập con mình nhưng sự thật nếu không rầy dạy thì con mình nó sẽ không nên thân.

Bậc tu nghịch hạnh họ không theo chiều thuận mà họ rèn tâm theo chiều nghịch. Điều này chúng ta phải chấp nhận cho họ làm, nhân quả mình không biết nổi nên không can dự. Có những vị đạo lý rất tự tại nhưng sống giữa đời này thật là chèm nhem, mục đích các vị sống như vậy để làm việc gì cho ai đó mình không biết, đạo lý của các vị khi đã đạt rồi thì chúng ta không đủ trí tuệ để nhận định.

Nhìn theo Nguyên thủy Phật giáo, một người thọ giới tướng (250 giới) mới có thể chứng quả A La Hán, còn cư sĩ không thọ 250 giới thì chỉ chứng quả A Na Hàm thôi. Nhưng khi đã bước qua đạo lý phát triển của Đại thừa thì khác hơn nhiều, cư sĩ tại gia vẫn ngộ đạo.

Trong lịch sử kinh Duy Ma Cát, người cư sĩ nam chứng quả, rồi ngài Thắng Man cư sĩ nữ chứng quả. Dần dần qua tới Trung Hoa thì có ngài Bàn Long Uẩn, qua tới Việt Nam thì có rất nhiều, nổi bậc nhất là ngài Tuệ Trung Thượng sĩ.

Trong sử ghi lại, ngài Tuệ Trung Thượng sĩ có bảy bà vợ nhưng đời sống hết sức thoát tục. Trong lúc sống ngài vẫn giảng đạo cho Tăng Ni thời đó. Ở Việt Nam nói tới Thiền là phải nói tới ngài Tuệ Trung Thượng sĩ, đó là một bậc đại trí huệ. Một người mà vua Trần Thái Tông tôn là Thượng sĩ, là cái học hơn tất cả cái học mà trong đời của vua đã học. Rõ ràng nhìn về Tuệ Trung Thượng sĩ trong Ngũ Lục mà ngài để lại, chúng ta phải công nhận rằng chưa có vị Thiền sư nào ở Việt Nam hơn Tuệ Trung Thượng sĩ.

Về trí tuệ, về cơ phong, về sức sống đạo lý, ngài Tuệ Trung Thượng sĩ tự tại về mọi mặt. Nói về giới cư sĩ tại gia, chỉ có một vợ một chồng, còn ngài Tuệ Trung Thượng sĩ tới bảy bà vợ. Nói về tánh giới, tướng giới chúng ta thấy có những bậc họ đã tự tại trong dòng sống này rồi thì họ nhìn trần gian này hết sức phù du, cho nên sống ở trần gian này là không quan trọng.

Thời nhà Trần, khi đất nước ta chống quân Nguyên Mông, ngài Tuệ Trung Thượng sĩ ngộ đạo nhưng vẫn cầm quân ra trận giết giặc, coi như phạm thêm giới sát nhưng đạo lý ngài vẫn sáng tỏ. Như vậy để thấy rằng trong tướng giới nếu nói rằng phạm giới (giới sát), như cái cây đã chặt mất đầu rồi thì không thể mọc lên lại được nhưng nhìn về tánh giới thì nó lại có cửa mở.

Ở đây chúng ta nói lại để chúng ta hiểu rằng chỉ có những người thực sự thấu hiểu đạo lý, thực sự đạt đạo thì trên tướng họ phạm nhưng tánh không phạm, tâm họ không nhiễm. Chúng ta mới thấy lại tinh thần giới học của Đại thừa hơi khác hơn tinh thần giới học của Nhị thừa, mặc dù cái khó của Đại thừa chỉ cần tác niệm là đã sai, không cần hành động.

Còn đối với Nhị thừa chúng ta làm mới phạm. Nói về tinh tế sâu màu thì chúng ta chỉ cần động tâm là đã phạm, khiến cho người bình thường không thể hiểu nổi.

### **1. Giới thứ nhất không sát sanh**

Đối với Phật tử tại gia, nếu một người học giới vô lậu giải thoát của đạo Phật thì bất kỳ giới nào cũng đưa chúng ta đến chỗ vô lậu giải thoát. Nhưng có điều chúng ta chỉ học giới ở tầng ngoài của đạo Phật, chúng ta chỉ hiểu giới sát sanh không giết người là đủ nhưng vẫn chưa đủ sức đưa chúng ta đến giác ngộ giải thoát. Chúng ta nhìn đến chiều sâu của giới này, càng lúc chúng ta thấy giữ một giới là trùm tất cả các giới khác. Chỉ cần giữ một giới đủ sức đưa chúng ta đến giác ngộ giải thoát, đó mới là giới Ba la mật của đạo Phật.

Về giới sát sanh, về bề mặt bề trái của nó, tại sao Đức Phật lại dạy chúng ta đừng sát sanh? Đó là Ngài muốn giữ sự bình an nơi tự tâm chúng ta. Nếu chúng ta thù một người nào đó thì ngay tại đây tâm chúng ta bất an, rồi chúng ta nghĩ tới chuyện trả thù, chúng ta thực hiện rình rập chờ cơ hội ra tay là chúng ta tiếp tục bất an. Sau khi ra tay được chúng ta tiếp tục bất an vì nhân quả xã hội sẽ trừng trị chúng ta. Như vậy đúng nhiều phương diện xã hội chúng ta cũng bất an; cả ba thời quá khứ, hiện tại và vị lai chúng ta luôn bị bất an, nên việc tu tập không tiến bộ. Đức Phật đã thấy rõ điều này, Ngài khuyên chúng ta không nên sát sanh để tạo mảnh đất bình yên cho chúng ta được ở trong đó.

Với cư sĩ bình thường, không sát sanh là không giết các con vật, chúng ta có thể giữ gìn như vậy được tốt. Càng tu lâu chừng nào ta càng thấy giới không sát sanh của các vị tâm thanh tịnh khác với mình. Ví dụ ban đầu chúng ta giết

một con kiến, với người thô tâm họ không thấy có gì hết, nó đáng giết. Còn khi được học Phật rồi, chúng ta sợ nhân quả nên không dám giết thôi, vì lỡ phạm chúng ta nghe bất an ở chỗ là chúng ta đã không giữ tròn giới pháp. Nhưng nếu tu nhiều một chút thì càng phạm nhỏ chừng nào chúng ta càng nghe lòng xao động chừng đó, phạm cố ý hay vô tình thì cũng là phạm. Người thanh tịnh chừng nào thì giới pháp càng sâu lắng chừng đó.

Ví dụ về giới luật, Đức Phật dạy chúng ta khi uống nước nên trì chú, hoặc lọc cho hết vi trùng trong đó, vì trí tuệ Ngài thấy trong bát nước có tám vạn bốn ngàn con vi trùng, nếu không lọc là ăn thịt chúng sanh nhưng với mắt thường chúng ta không thấy được nên uống nước là chúng ta cứ uống thôi. Đức Phật dạy, ban đêm có đèn chúng ta phải lấy gì đập lại, vì ban đêm con gì nó bay vào và chết, vô tình chúng ta cũng phạm giới sát. Hoặc ban đêm chậu nước chúng ta không được để, vì ngạ quỷ đi ngang thấy nước là cổ nó bốc cháy mà không uống được nên nó đau khổ là chúng ta vô tình phạm giới. Do đó, ban đêm chúng ta phải che đập nước lại không được để lộ ra.

Càng đi sâu vào đạo chừng nào, các bậc Thánh hiền càng thấy rõ những sai phạm nhỏ nhiệm sâu trong tâm của các ngài. Trong kinh dạy các vị chứng quả A La Hán trở lên thì không còn phạm giới sát nữa, dù đó là vô tình. Đi trên đường là các vị không bao giờ dẫm chết một con côn trùng nào. Cũng chính chuyện này mà ngoại đạo có lần vu khống Đức Phật. Vì nghe đồn các vị chứng đạo là không còn sát sanh nữa nên họ giết côn trùng rồi quăng vào dấu chân Đức Phật, và vu khống Đức Phật đã dẫm chết côn trùng để chúng

tổ Đức Phật chưa chứng Thánh quả. Dân làng chạy ra xem thì lại thấy các con vật nhảy múa trong dấu chân Đức Phật, chứng tỏ Thánh quả của Đức Phật đã tới mức độ cùng cực, lòng từ của Đức Phật đủ chuyển hóa nghiệp của một loài chúng sinh, không đơn giản là chỉ sống dậy trong dấu chân của Đức Phật mà nó còn có phước khác là được thăng hoa ở kiếp tới của nó nữa.

Tôi nhớ có lần quen một anh Phật tử tại gia, anh biết đạo Phật được ba năm, lúc đầu tu rất tinh tấn, bây giờ về gặp lại tôi thấy anh nhậu xỉn rồi nói với chúng tôi: “Hồi con mới quy y đạo Phật thì lỡ giết con kiến, đập một con gián nghe lòng áy náy khó chịu vô cùng, bữa nay con tự tại giết một con gà thấy tỉnh queo à”. Tôi nói: “Bệnh rồi chớ không phải tự tại đâu”. Cố ý sát sanh con vật mà thấy lòng không có gì là chai tâm rồi, sắp sửa giết một người cũng không có lý do gì và sắp sửa giết nhiều người cũng không thấy tâm giao động là sắp trở thành đại ác, tức là lâu nay anh dụng công sai rồi.

Cho nên đối với đạo Phật chỉ trừ bậc tu nghịch hạnh thôi, còn lại những bậc tu thuận hạnh, họ không bao giờ phạm sai lầm nhỏ nhiệm trong đời sống này. Những người càng có thánh tánh chừng nào thì càng ít đi sự sai phạm, vì trí tuệ họ đủ nhìn thấy trần gian này cái gì cần làm, cái gì không cần làm. Cái gì có lợi lạc cho chúng sanh là họ không bao giờ sai phạm, chớ đừng nói làm bất lợi người khác. Lấy sanh mạng người khác là làm chuyện bất lợi rồi.

Giết chúng sanh bên ngoài, tâm chúng ta đã bất an giao động. Còn chúng sanh ở bên trong là những ý niệm xảy ra trong đầu của chúng ta, nếu chúng ta vẫn còn giết nó là

chúng ta vẫn còn tiếp tục phạm giới pháp nữa, cho nên chúng ta còn bị bất an hoài.

Khi niệm Phật, nếu chúng ta bình yên niệm thì không có gì để bàn nhưng niệm Phật một hồi trong lòng chúng ta nghĩ chuyện này, chuyện kia, giận người nọ, thương người này, ghét người kia..., thấy những ý niệm này không đúng nên chúng ta cố tình diệt trừ nó, nếu diệt trừ được thì chúng ta sanh tâm hoan hỷ, quán các niệm này là huyễn, là giả để nó tắt mất trong lòng của mình. Hai là chúng ta niệm Phật lớn lên để lẩn át vọng tưởng. Ba là chúng ta cố gắng đè nén, là chúng ta phạm một trong ba điều trọng giới là tự sát, tha sát và tùy hi sát. Một người đang tu theo đạo Phật mà còn diệt trừ hết ý niệm thì vẫn còn tiếp tục bất an, vì lý do đã phạm giới sát ở trong tự tâm của chính mình. Nếu chúng ta giữ giới thực sự thanh tịnh là từ bên ngoài không phạm, và tự trong thâm tâm không còn phạm giới sát nữa thì mới chứng quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Khi chúng ta thấy là thấy, không còn lấy bỏ nơi tự tâm của mình thì chừng đó mới thực sự bình an. Nếu thấy mà khởi niệm là đẹp, là xấu; đẹp lấy, xấu bỏ là chúng ta còn tiếp tục bất an. Cho nên học bất kỳ điều gì của đạo Phật, chúng ta chịu khó nhận cho tới đỉnh điểm của nó.

Giới Ba la mật là giới phải qua bờ bên kia, còn nếu học giới để chúng ta được cái gì, để đời sau được làm người thì chưa phải là Ba la mật. Ngay khi chúng ta thấy mọi cái mà nơi tâm chúng ta không khởi ý niệm để lấy bỏ thì chúng ta đang ở bờ bên kia, không ở bờ tâm thức để chọn lựa lấy bỏ nữa, lúc đó ta đang tự tại ngay khi thấy nghe của mình. Ngay khi giữ giới là ngay khi Ba la mật, ngay chỗ sống thanh tịnh

là chỗ giải thoát của chính mình là trong tất cả từng thời từng khắc chúng ta đang ở chỗ giác ngộ giải thoát, là thời thời Ba la mật.

## **2. Giới thứ hai không trộm cắp**

Chúng ta không lấy của bên ngoài là chúng ta không trộm cắp rồi, ai cũng biết. Nhưng nói tới chiều sâu thì khác. Ví dụ nhìn người đẹp trong lòng chúng ta nghĩ gì? Có ai biết không? Nhưng mình lén lút nhìn kiểu này kiểu kia là tâm lén lút ăn trộm. Thay vì người ta đồng ý đứng đây cho mình ngắm, đó là được họ cho phép nhưng không được sự đồng ý của người khác mà ta lén ngắm cho thoả thích là lén lút ăn trộm.

Hoặc có những cái không được sự đồng ý của người khác mà mình lấy nó trở thành kiến thức của mình, cũng là ăn trộm. Những kiến thức trở thành vốn liếng, thành chứng tử huân tập của mình, thành của cải nơi tâm của mình, nó chồng chất thêm cái này cái kia tức là chúng ta đi gom, nhóm, tích, chứa, lượm, lật khắp tất cả các nơi trong đời sống của mình. Chúng ta lén lấy điều này, lén lấy điều kia, thâm nhập mà không được sự cho phép là chúng ta đã phạm giới ăn trộm.

Bất kỳ một hành giả tu tập khi đối duyên xúc cảnh không được quyền gom chứa cho mình nữa, thấy là ngay đó rớt liền, nếu gìn giữ tốt giới này cũng là Ba la mật. Ngay giới thấy nghe mà giữ được không ăn trộm cũng là Ba la mật.

## **3. Giới thứ ba không tà hạnh**

Chúng ta nhìn thấy cái gì mà tâm chúng ta léng phéng là đã phạm tà hạnh rồi. Chúng ta nhìn cảnh hết sức đẹp, thấy



thỏa lòng của mình là tà hạnh. Nghe điều gì mà chúng ta thấy thỏa mãn dục lòng là tà hạnh. Chúng ta luôn tìm cầu sự thỏa mãn trong tâm thức là luôn luôn đi tìm tà hạnh trong đó. Tà hạnh là cái không chánh đáng trong đời sống này, là cái mình tự làm mà chưa được sự cho phép.

Nhìn lại chúng ta thấy mình phạm quá nhiều, hạnh chúng ta không chân chánh. Một người chánh hạnh là ngay nơi thấy đó, ngay nơi nghe đó, ngay nơi lục căn tiếp xúc lục trần là ở tại chỗ đó không có tâm tà vạy, không có phân biệt để đắm trước, không phân biệt để ghét bỏ thì mới được chánh hạnh. Chánh hạnh là hạnh chân chánh trong mọi thời mọi lúc của cuộc sống chính chúng ta, không được quyền lệch lạc khi đối duyên xúc cảnh. Còn nếu chúng ta thấy còn bẻ cong, bẻ dọc theo chiều uốn cong của tâm thức là cái thấy tà hạnh.

Nếu muốn chánh hạnh là ngay nơi thấy nghe đó chúng ta không hề có một cái tâm nào. Ngay nơi thấy, nơi nghe hoàn toàn không còn cur mang, không còn bất kỳ hình bóng nào còn rớt lại trong thâm tâm chúng ta, gọi là sống chánh hạnh. Mỗi khi xúc cảnh là chúng ta thấy rõ ràng, an ổn, không giao động. Nếu thấy còn giao động là bước vào tà hạnh.

#### **4. Giới thứ tư không vọng ngữ**

Một người sống đúng không vọng ngữ là nơi tâm và nơi lời không có hai. Trong Bát chánh đạo, Đức Phật nói: *“Có chánh kiến thì mới có chánh ngữ, còn chưa có chánh kiến thì không bao giờ có chánh ngữ”*. Người chưa có chánh kiến thì biết rằng nói ra lời nào là còn bị vọng ngữ. Tiêu chuẩn chánh kiến của đạo Phật là cái gì?

Nếu chúng ta thấy biết duyên cảnh mà còn giao động, thấy hai bên là chưa chánh kiến. Thấy là thấy ngay nơi đó thôi, tâm không phân biệt, thấy mà còn hiểu nó là bông hồng, kia là bông ly..., là thấy còn lệch lạc, tâm thức không còn chánh kiến nữa. Khi chúng ta thấy duyên cảnh mà dính tới danh tự là không còn chánh kiến, nói ra lời sẽ không được chánh ngữ. Cho nên chánh ngữ, nó phải hiểu xuyên qua chánh kiến của chính mình, mà một đời sống của một người chánh kiến sẽ mang theo Bát chánh đạo thì mới đạt được Ba la mật thật sự, mới đạt được đỉnh điểm Ba la mật ở phần sau.

Do vậy, một người muốn giữ được chánh ngữ thì người đó phải đủ chánh kiến đạo Phật. Trong kinh Đức Phật nói: Người nào có chánh kiến phải thấu hiểu Tứ diệu đế, thấu hiểu lý Nhân duyên, thấu hiểu chân lý của Đức Phật. Khi một người thấu hiểu được chân lý rồi thì trong đời sống hiện tại này họ không bao giờ có một cái thấy nhìn lệch lạc, không bao giờ có cái nghe lộn xộn nơi tai. Tức là nghe, thấy, ngửi, nếm, xúc chạm và tất cả những cái xảy ra nơi tâm thức thì họ rõ ràng ở nơi đó để tiếp nhận chứ họ không ở bên này để hiểu bên kia, họ không ở bên kia để hiểu bên nọ, tức là không ở hai bên mới là chánh kiến.

Nói chuyện hai bên là tà ngữ. Khi nào chúng ta thoát ở hai bên mới là chánh ngữ chứ chúng ta không nói chuyện phạm khác nữa. Nghĩa là nơi tâm chúng ta ở chánh kiến thì sẽ thốt ra lời thoát hai bên liền, lúc đó được gọi là chánh ngữ. Không phải chánh ngữ là chúng ta nói bên này, không nói bên kia, thấy vậy nói vậy, thấy kia nói kia.

Khi nhìn sự vật là trong lòng chúng ta đã dao động trong đó rồi cho nên chúng ta nói ra lời cũng bắt đầu lộn xộn,

ngữ không chánh. Muốn đạt đến chánh ngữ Ba la mật thì hành giả phải thấy lìa thoát phân biệt hai bên, không nói bên đây, không nói bên kia. Một hành giả đạt tới cảnh giới không hai tuyệt đối, ở chỗ bình đẳng tuyệt đối mà thấy nghe hay biết thì người đó mới có thể giữ giới vọng ngữ đúng mực theo đạo Phật.

Nơi cuộc sống này nếu chúng ta là người học Phật chân chánh, giữ giới chân chánh thì thời thời khắc khắc đang ở chỗ Ba la mật. Tức là chúng ta ở bên kia bờ tâm thức, không phải ở bên đây để phân biệt nữa. Lúc nào chúng ta giữ đúng giới của đạo Phật thì lúc đó chúng ta được giác ngộ giải thoát đến chỗ Ba la mật.

Học giới của đạo Phật là học tới giác ngộ giải thoát, để ngày nào chúng ta sống đúng với đạo Phật thì ngày đó chúng ta được giác ngộ giải thoát, thời khắc nào chúng ta sống đúng với đạo Phật thì thời khắc đó chúng ta được giác ngộ giải thoát, gọi là *Giới Ba la mật*.

Tới đây chúng ta mới hiểu tại sao bốn giới đầu Đức Phật gọi là trọng giới. Trong bốn giới này chúng ta giữ trong sạch bất kỳ giới nào đều được giác ngộ giải thoát nên gọi là trọng giới. Bốn giới này đã trùm tất cả các giới khác. Bốn giới này chúng ta giữ tốt là coi như xong một đời tu của mình, không cần hai trăm năm mươi giới, không cần bất cứ giới gì.

### III. NHÃN NHỤC BA LA MẬT

Khi nói đến nhãn nhục là mọi người lại nghĩ mình phải nhịn nhục mọi điều, để mình đạt được đạo lý gì ở bên sau đó nhưng riêng Nhãn nhục Ba la mật có nhiều điều khác hơn.

Người đời thường nói nhịn là nhục nhưng trong Phật pháp nhịn có nhục không? Nhịn là một điều vinh quang cho mình. Việc hơn thua với nhau thì một đứa bé cũng có thể làm được, chọc nó nó có thể chửi lại được, chọc nó nó có thể đánh lại được, đụng nó nó có thể sân hận lại được nhưng người khác làm trái ý nghịch lòng với mình, mình nói mình không hơn thua thì người tám mươi tuổi làm cũng không xong, đây là điều chúng ta phải thấy.

Chúng ta nhịn qua được một chuyện là tâm linh chúng ta khá hơn rồi chứ không dễ mà nhịn được. Trong đạo Phật chúng ta kham nhẫn để chúng ta bỏ qua những điều bị sỉ nhục, những điều bị ức hiếp, những điều đem đến bất lợi cho chúng ta trong cuộc sống này. Những điều trái ý nghịch lòng mà chúng ta vẫn an nhiên tự tại được thì chúng ta là người có năng lực tâm linh cao. Ở đây, việc nhẫn của chúng ta không dừng lại ở đó mà là Nhẫn nhục Ba la mật, nhẫn để đến bờ giác ngộ giải thoát.

Tất cả chúng ta khi có mặt ở trong cuộc đời này, gần như mọi điều đến với mình không được thuận ý, hầu như chúng ta đều gặp trắc trở, rắc rối. Bởi vậy, nếu chúng ta không nhẫn được, không nhận chịu được thì rất khó vượt qua. Nếu chúng ta không vượt qua được thì không đến được bờ giác ngộ giải thoát.

Ví dụ có huynh đệ nói hơn chúng ta một câu, chúng ta có thể nhịn được nhưng nhịn mà lòng chúng ta không yên, nhẫn mà không an. Nhưng khi đã bắt đầu tu tập rồi, mỗi khi xảy ra chuyện nghịch với mình thì mình nhịn chịu và trong lòng rất an.

Đối với người tu trong đạo Phật, nếu chúng ta không thấy rõ mọi vấn đề thì việc học đạo của mình gần như là sự gắng gượng chứ chúng ta không nhẫn được. Thực sự nói về nhẫn nhục thì ai cũng biết rằng mình phải nhẫn chịu những điều khó khổ từ thân cho tới tâm của chúng ta. Ví dụ chúng ta vào ở trong Phật thất bảy ngày là chúng ta cũng đang tu pháp nhẫn. Vì sao? Vì khi vào trong đây rồi, chúng ta đi vào khuôn khổ có quy luật rõ ràng, phải thức giờ nào, phải ngủ giờ nào, phải ăn giờ nào và phải nói điều gì phù hợp với Chánh pháp. Tức là chúng ta phải nhẫn bớt điều vui của mình trong cuộc sống thường tình, như bớt một số điều tự do phóng túng của mình thì đó cũng là hình thức tu nhẫn nhục.

Làm sao tắt cả những tham tâm gọi lên để tô bồi thêm bản ngã của mình thì mình phải hoá giải được những tham tâm đó, để bản ngã mình nó không đòi hỏi nhiều trong cuộc sống này. Lần lần ngã chấp chúng ta mỏng cạn thì chúng ta mới vượt qua được những nghiệp tập trong sanh tử của mình. Nếu ngã chấp chúng ta còn lớn thì chúng ta không nhẫn qua một việc nhỏ và việc lớn cũng không thành tựu.

Đối với một vị Bồ Tát, Nhẫn nhục Ba la mật đều phải quán sát để thấy thân tâm là không, tham tâm xảy ra mình cũng hoá tán nó thành không thì chúng ta mới vượt qua sân tâm của mình, nếu không chúng ta sẽ rất khó nhẫn. Nhẫn bình thường chúng ta thấy là mình nhẫn chịu mà đôi lúc trong lòng còn uất ức. Nhưng lần lần tu tập thì việc trái ý nghịch lòng xảy ra chúng ta nghe nhẹ nhàng nhưng vẫn chưa được dứt khoát, lần lần chúng ta sẽ thấy nó nhẹ đi. Trước kia mình nhẫn nhục ba ngày, bảy ngày mới quên, bây giờ một ngày mình đã quên rồi. Sau đó nó chỉ còn một tiếng, hai tiếng; dần dần

chúng ta chạm việc là nó sẽ mất liền sau đó là chúng ta tu khá rồi.

Tất cả những việc kham nhẫn không phải là sự dồn nén, đè ép mà nó đòi hỏi công phu tu hành của chúng ta phải tốt để chúng ta tự hoá giải. Nhẫn nhịn mà ráng nhịn chịu, ráng đè ép để chịu cái thương, cái khó đến với mình đó là hình thức còn trong vòng luân quần. Do đó, muốn đạt đến Nhẫn nhục Ba la mật thì chúng ta phải thấu suốt vấn đề.

Thời đức Phật còn tại thế, có rất nhiều lần Đức Phật đi thuyết Pháp có vị ngoại đạo đi theo sau chửi nhiều câu rất khó nghe nhưng Đức Phật vẫn đi rất bình thản. Tới ngã tư vị ngoại đạo chặn Đức Phật lại hỏi: Cù Đàm, nãy giờ ta nói ông có nghe không?

-Ta nghe rất rõ ràng!

-Tại sao tôi chửi ông mà ông không trả lời?

Đức Phật nói kệ:

Người hơn thì thêm oán,  
Kẻ thua ngủ không yên,  
Hơn thua đều xả,  
Tự tại bình yên.

Nếu Đức Phật nhịn mà trong lòng có sự dằn ép thì Ngài sẽ không có lời sáng suốt như vậy. Đó là trí tuệ thấu suốt được sự thật.

Khi một người mang điều bất trắc đến với mình là nơi thâm tâm họ đã chất chứa quá nhiều phiền hận. Trong người đó đã tràn đầy cái khổ, họ muốn lôi kéo người khác khổ chung với mình. Nhưng người trí thì không bị lôi cuốn theo chiều khổ đó mà người ta thoát ra được cái khổ. Thường khi người

ta chọc gheo mình, người ta đều mong muốn mình chửi lại, mình phải buồn, phải khổ thì người ta mới cảm thấy vui. Trong khi đó mình bình thường thì họ càng khó chịu hơn.

Nếu vượt qua được thì mỗi một lần như vậy tâm chúng ta năng lực càng lúc càng được tăng trưởng lớn mạnh, càng lúc trong cuộc đời càng vững chãi khi đối duyên xúc cảnh. Có khi người không tu họ nghĩ mình chai lì, trơ trơ trước mọi chuyện nhưng thật sự chúng ta hết sức tinh táo, tâm chúng ta hết sức nhạy bén để chúng ta kịp thời thấy được sự giao động bất an xảy ra nơi lòng của mình mà mình dừng lại, đó là một công phu rất sâu.

Đến một độ, người tu khi lục căn tiếp xúc với lục trần họ không còn khởi niệm chấp mắc, mắt thấy hình sắc tâm vẫn giữ sự tĩnh lặng sáng suốt, họ an trú ở nơi vô sanh thì nhãn đó mới là Nhãn Ba la mật mà Đức Phật muốn nói.

Người Nhãn nhục Ba la mật công phu rất dày dặn, và trí tuệ rất nhạy bén để phát hiện từng ý niệm nhỏ nơi tâm. Khi an trú chỗ rộng lặng thanh tịnh rồi, vừa có một chớm khởi phiền hận là họ an trở lại trong cái vô sanh. Thấy bằng vô sanh mà thấy, nghe bằng vô sanh mà nghe, ngửi bằng vô sanh mà ngửi, như vậy vô sanh hết sức trong sáng thanh tịnh không vương bụi trần. Một người Nhãn nhục Ba la mật phải đạt tới cảnh giới này, nếu không thì chưa phải là Nhãn nhục Ba la mật.

Nhãn nhục là trí tuệ để thấu suốt vấn đề. Một người đã thấy thân tâm mình là không rồi thì mọi chuyện, mọi duyên cảnh xúc chạm đến với mình đều biến thành không. Nếu thấy mình có thiệt ở đây, nghe tiếng nặng tiếng nhẹ thiệt và mình nhin chịu thiệt thì vẫn còn nguyên là một chúng sanh, không

thể qua bờ bên kia được. Do đó, muốn đạt tới Nhẫn nhục Ba la mật thì buộc hành giả tu tập phải có cái nhìn đúng đắn về thân, tâm và hoàn cảnh thì người đó mới có thể đạt tới Nhẫn nhục Ba la mật.

Đây là con đường của Bồ Tát đạo, Bồ Tát hành đúng Lục độ Ba la mật thì có thể chứng quả vị Phật. Từ khi sơ phát tâm cho tới khi thành Phật thì bất kỳ Bồ Tát nào cũng phải thành công trong Lục độ này. Vì vậy một vị Bồ Tát được định nghĩa là bậc giác hữu tình, nghĩa là người hữu tình đó phải được giác ngộ và đủ sức giác ngộ người khác.

#### IV. TINH TẤN BA LA MẬT

Là sự tinh cần tiến tới con đường giác ngộ giải thoát, không có sự tạm dừng nghỉ bất kỳ phút giây nào.

Trong việc tu hành có những người hết sức tinh tấn, ngồi suốt lưng không dính chiếu nhưng rồi vẫn không đạt đến bờ bên kia. Lý do là trong tinh tấn, chúng ta còn bị một số điều chưa rà soát kỹ. Ngược lại, có những người rất lơ thơi trong công phu tu hành mà người đó có kiến giải rất sâu trong Phật pháp.

Chúng ta xem qua câu chuyện của ngài Quốc Lâm Đại sư dưới triều đại nhà Thanh có vị Hòa thượng có hai đệ tử là Ngọc Lam và Ngọc Lâm. Ngọc Lâm tu rất tốt, còn Ngọc Lam ăn ngủ tối ngày. Khi người ta hỏi Sư phụ: “*Ông được mấy đệ tử?*” ngài nói: “*Mới có một đệ tử rười.*” Ngài Ngọc Lâm nghĩ mình là số một, còn sư huynh ông là phân nửa nhưng khi hỏi lại, Sư phụ chấp nhận Ngọc Lam là đệ tử, còn Ngọc Lâm mới



được phân nửa. Một người bên ngoài rất giải đãi nhưng họ có loại công phu mà một người tối ngày hành đạo không bằng.

Khi chúng ta tinh tấn tu hành thì bên ngoài hình tướng tu tập của chúng ta đầy đủ sáu thời, lúc nào chúng ta cũng tọa thiền, lúc nào cũng niệm Phật nhưng thân tâm của chính mình chưa có rơi rụng ngã chấp thì thời tinh tấn đó vẫn còn ở bờ bên này. Nhìn ra xã hội, người chưa tu họ cũng rất tinh tấn, ví dụ như người ăn trộm họ rình cả đêm mới vô nhà người khác được. Chúng ta có nhiều khi ngồi thiền hai tiếng là thấy cực rồi mà người ăn trộm họ rình cả đêm muỗi cắn, họ còn không dám đập mạnh, họ tu kỹ hơn mình nhưng mục đích ảnh hưởng ngồi cực đó để được cái gì? Được tiền của chứ không được sự thanh tịnh như người tu chúng ta.

Trước khi tinh tấn, chúng ta phải xác định tinh tấn của mình phải đi đúng đường lối, đúng mục tiêu thì chúng ta càng đi càng gần. Còn nếu chúng ta xác định việc tinh tấn của chúng ta chưa có chuẩn mực, chưa có đúng đắn thì chúng ta càng đi càng xa. Chúng ta phải minh định lại trước khi hạ thủ bất kỳ công phu nào.

Nếu như bây giờ chúng ta muốn niệm Phật thì phải thấu suốt đường đi lối về của pháp môn niệm Phật. Nếu muốn tu Thiền thì chúng ta cũng phải xác định chuẩn mực về pháp môn tu Thiền. Nếu muốn tu Mật tông thì chúng ta cũng phải xác định rõ ràng thời khóa công phu Mật tông. Hoặc là chúng ta có vị thầy chuyên môn dẫn dắt chúng ta từng bước trong công phu thì chúng ta hãy tinh tấn. Còn trong lúc chúng ta chưa xác định một cách rõ ràng công phu của mình thì tinh tấn có lúc dễ xảy ra chuyện không hay với bản thân mình. Có những lúc cảnh giới xảy ra chúng ta không hay, có những

người tu thiền hoặc tu Tịnh độ khi công phu đặc lực đôi lúc vẫn xảy ra chuyện bệnh hoạn và lúc đó không gỡ được.

Ví dụ chúng ta tu niệm Phật mà cứ mong mỗi làm sao trong lúc niệm Phật sẽ được thấy Đức Phật A Di Đà. Tâm mong mỗi nhiều nó sẽ hình thành hình bóng Đức Phật, nên trong lúc ngồi thiền niệm Phật là thấy Phật chúng ta đứng dậy đánh lễ, khiến việc tu tập của chúng ta bắt đầu đi lệch đường rồi sanh bệnh. Người tu Thiền cũng vậy. Trường hợp này chúng tôi gặp rất nhiều.

Trong Kinh A Di Đà, Đức Phật dạy: *“Khi một hành giả niệm Phật một ngày, hai ngày cho tới bảy ngày nhất tâm bất loạn, thì khi lâm chung Phật A Di Đà và chư thánh chúng mới hiện ra”*. Tức là tiêu chuẩn chính của chúng ta là phải làm sao được nhất tâm bất loạn mà phải liên tục bảy ngày, bảy đêm như vậy. Còn người tu Thiền thì có câu: *“Phùng Phật sát Phật, phùng ma sát ma”*, nghĩa là trong lúc đang dụng công dù thấy Phật hiện cũng không chấp nhận mà có thấy ma đi nữa cũng không sợ hãi. Tức là hai tâm vui và giận, sợ và chấp nhận kia không được xảy ra trong lúc công phu. Vì nếu vui quá thì khi xả thiền ra, chúng ta cười luôn suốt đời; nếu sợ quá thì khi xả thiền ra chúng ta trốn tránh thiên hạ, không dám gặp ai.

Muốn tinh tấn thì buộc chúng ta phải học thật chuẩn và phải thấy biết công phu một cách rất rõ ràng, để rồi tới bất kỳ một khúc quanh nào chúng ta phải biết cách để tháo gỡ. Tôi có gặp một người tu niệm Phật rất tinh tấn, anh niệm đến mức độ anh thấy anh là cái gì đó mênh mênh, tiếng niệm Phật vang trong anh nghe rất nhỏ. Anh làm lãnh đạo một Công ty, anh nói chuyện người bên cạnh nghe không được nhưng mà

trong anh, anh thấy anh nói rất lớn rồi, nhiều khi anh chỉ mấy người công nhân làm mà họ không nghe được, anh rất hoang mang. Chúng ta thấy làm sao? Công phu như vậy là tốt hay xấu?

Một người nếu tâm thanh tịnh thì họ sẽ nghe được tiếng động của con kiến đang bò, đây là sự thật. Điều này chứng tỏ tâm anh đến độ lắng trong, rất sâu trong giai đoạn công phu rồi. Anh diễn tả câu niệm Phật hết sức liên tục trong tâm với chính mình và rồi anh thấy mọi điều, nghe mọi điều cũng rõ ràng. Nhưng khi tiếp xúc với cuộc sống này, anh nói chuyện gần như mọi người không nghe vì tâm người khác ồn ào nên họ không nghe được âm thanh mình đang nói nhỏ. Ví dụ chúng ta ra chợ, chỗ người ta nói chuyện xôn xao thì mình nói với người bên cạnh phải lớn tiếng họ mới nghe, nhưng nếu ở chỗ thanh vắng mình nói nhỏ người khác vẫn nghe được.

Anh đang chưa vượt qua hết giai đoạn công phu của mình, vì lúc này anh đang ở trong đạo chưa hoà nhập với cuộc sống được. Nếu bây giờ hoà nhập vào cuộc sống anh có thể bị động, nếu anh giữ được chừng mực này, anh cứ tiếp tục công phu niệm Phật, anh sẽ vượt qua một giai đoạn nữa là hoà vào cuộc sống cộng đồng bình thường. Anh niệm Phật như vậy chứng tỏ rằng tâm anh rất yên, điều này không có sai, anh không nên hoang mang. Rõ ràng anh nói anh hoàn toàn không nghĩ ngợi gì ngoài câu niệm Phật suốt cả ngày lẫn đêm như vậy, nếu anh không được người nhắc nhở để giữ lại mà anh bỏ ngang công phu này thì rất uổng.

Chúng tôi mới gặp một người, họ làm việc suốt ngày, làm đủ điều cho Phật pháp. Hồi trước mỗi một lần niệm Phật, người này nghe có sự xúc động thương Phật, tâm thanh tịnh

rất vui. Bây giờ đang làm việc không có công phu, không có niệm, không có mặc áo tràng để tụng kinh mà câu niệm Phật cũng vang trong lòng nhưng bây giờ câu niệm Phật nó giống như trạng thái vô cảm, không có xúc động như trước nữa thì điều này đúng hay sai?

Tất cả những công phu có biến chuyển như vậy nếu chúng ta không học đạo kỹ, chúng ta dễ bỏ cuộc. Điều để cho chúng ta thấy rằng với người tu Thiền thì ban đầu được định (Sơ thiền) là Ly sanh hỷ lạc, nghĩa là lìa ngũ dục mà sanh hỷ lạc nơi tâm. Cô này ngày xưa đạt tới cảnh giới này cũng rất vui nhưng bây giờ đến cái độ không còn vui nữa nhưng câu niệm Phật lại liên tục sanh ra nơi tâm mình (niệm Phật nhất tâm), giống như dẫn một người từ nông thôn lên thành thị họ ở cái này đẹp, cái kia đẹp nhưng đi lần thứ hai họ có không còn xúc động như vậy nữa.

Lần đầu cô niệm Phật đến lúc tâm yên cô rất vui, bây giờ cô đã vượt qua cảnh giới vui đó rồi, tâm cô có chút thăng tiến, dù cô có khởi hay không khởi niệm tâm cô vẫn niệm Phật liên tục, không dứt. Tức là đẳng cấp tâm linh cô đã thăng tiến trong tầng sâu của cảnh giới niệm Phật, chứ không phải mất đi, vô cảm. Sau giai đoạn được liên tục nhất tâm như vậy, hành giả đạt được giai đoạn vô tâm rồi mới ngộ Tánh.

Đó là dạng tinh tấn ban đầu, còn tinh tấn Ba la mật đúng nghĩa trong Phật pháp lại là chuyện khác nữa. Ngay khi chúng ta tinh tấn là ngay khi chúng ta được Ba la mật. Mọi thời chúng ta tinh tấn là mọi thời chúng ta đều được Ba la mật. Vậy là thời nào công phu là thời đó phải Ba la mật. Chúng ta phải được ở bên kia bờ giác ngộ. Còn nếu thời nào chúng ta

công phu mà không được giác ngộ thì thời đó chưa phải là tinh tấn Ba la mật.

Trong lúc chúng ta niệm Phật, chúng ta phải niệm như thế nào để được Ba la mật? Chúng ta phải ngồi thiền như thế nào để được Ba la mật? Lục Độ Ba la mật buộc chúng ta không tu thì thôi, tu thì qua bờ bên kia liền. Đây là nhân quả đồng thời, nhân nhân vô sanh thì có quả vô sanh, còn nhân nhân sanh tử thì chúng ta ở bờ bên đây hoài để chúng ta tu.

Trước kia giảng Tiểu Bản A Di Đà, tôi có nói định tâm niệm Phật và loạn tâm niệm Phật. Khi chúng ta ở chỗ tâm định mà niệm Phật thì đi sâu vào công phu hơn là ở tâm loạn mà niệm. Loạn niệm chỉ là sự đè ép mà thôi nhưng tâm định mà niệm thì càng lúc càng lắng sâu. Đây là hai điều chúng ta phải thấy khi bắt đầu công phu niệm Phật.

Khi phát khởi tâm thanh tịnh niệm Phật thì âm vang niệm Phật bắt đầu sâu lắng, càng niệm càng đi vào định sâu. Trong kinh Lăng Nghiêm Đức Phật nói có hai điều căn bản: Điều căn bản thứ nhất, là chúng ta cố chấp nhận tâm duyên lự (tâm hướng ngoại duyên theo ngoại cảnh), đó là căn bản sanh tử. Thứ hai, là hướng tới chỗ vô sanh để tu tập tức là phải nhận ra được chân trời vô sanh để bắt đầu đi vào công phu tu hành, đó là căn bản của Bồ đề Niết bàn. Bất cứ người tu nào, chúng ta cũng phải xác định được hai hướng rất rõ cho chính mình để đi vào công phu.

Khi chúng ta thấy, chúng ta nghe không còn vướng lại mới gọi là tinh tấn. Người tinh tấn không trải qua thời gian công phu giống như người bình thường nữa mà với họ tất cả những thấy nghe đều rơi rụng cả, chạm mắt là “*xúc mục tức Bồ đề*”. Hiện ra trước mắt là giác ngộ, không còn chuyện quán

thành không, quán như huyễn. Có những người đi, đứng, nằm, ngồi họ rất tự tại, chẳng có gì vướng bận, nhưng không thấy người này công phu, thấy họ cũng gần như ít ngồi thiền, ít tụng kinh hơn người khác nhưng họ có đời sống đầy đủ năng lực công phu để không vướng mắc trong trần gian này.

Khi một người học đạo buổi ban đầu, chúng ta tập công phu để từ chối sự vướng mắc trong đời này. Nhưng một thời gian chúng ta không từ chối mà không vướng mắc. Có khi mình tránh né, có khi mình nhịn chịu, có khi mình chạy trốn..., đó là giai đoạn đầu. Như tay ta dính mỡ rồi thì đụng chạm cái gì nó cũng dính lại, nhưng tay chúng ta dính dầu rồi thì nắm cái gì nó cũng tuột ra. Khi chúng ta tinh tấn đúng nghĩa với đạo Phật, đạt tới cảnh giới Ba la mật thì chạm mắt liền thành Bồ đề, chạm tai liền thành giác ngộ, chớ không có chuyện phải một chút nữa. Không phải là chúng ta hết sức tinh tấn tu hành rồi nên bây giờ chạm một sự việc, đụng một câu nói nào của ai mà gây rắc rối cho mình, hoặc làm chuyện gì phiền hận đến mình thì mình sẽ cố gắng tu cho hết, để vượt qua cảnh giới khó khổ từ tâm của mình, rồi gọi là tinh tấn thì điều này cũng đúng, không sai nhưng chưa phải là tinh tấn Ba la mật đúng nghĩa, nó chỉ là tinh tấn chùng hạn bình thường thôi.

Đến chỗ tinh tấn chuyên môn trong đạo Phật, quý vị thấy điều rất lạ là hành giả sẽ đi vào tất cả các cảnh giới thuận nghịch nhưng họ vẫn bình an thực sự, không có gì chạm tới họ mà bị vướng lại cả, cho nên chúng ta thấy họ gần như không công phu. Vì ngay khi thấy là họ đã tự biến thành giác ngộ rồi, cho nên họ không còn vướng lại để tẩy rửa, ngay khi nghe là họ đã biến thành giác ngộ rồi, chạm tai là họ giác ngộ

liền thì không trở thành chủng tử nghiệp thức cho chính mình, để về ngôi lại mà trừ khử nữa.

Công phu càng sâu trong Pháp pháp chùng nào thì mình càng khó lường chùng đó, đó là công phu của người hết sức chuyên môn, gọi là công phu bậc thầy. Ba la mật là cảnh giới hoàn toàn không còn hai bên nữa. Một hành giả nếu còn pháp để có thể dụng, còn có chỗ để chứng thì hành giả đó chưa đạt cảnh giới Ba la mật đúng nghĩa. Chúng ta phải khéo léo nhận ra rằng trong tất cả những thấy nghe của chúng ta đều hiển hiện sự rỗng lặng thanh tịnh. Tại vì chúng ta đã nhiều đời quen cái thấy để phân biệt so sánh, mình chưa tháo gỡ ra được trong đời sống hiện tiền, khiến cho vô sanh không hiển hiện từng phút giây trong đời sống của mình, chứ thật sự chúng ta rất gần với đạo.

Như người bệnh cuồng thì tâm mức đi xa sự thật nhiều hơn mình một chút thôi, còn chúng ta giống như người ở đoạn giữa, và Đức Phật là Người ở trong bậc thực tại hiện tiền (bậc giác ngộ). Chúng ta chỉ chạm một chút vào thực tại hiện tiền và một chút hướng ngoại, còn những người bệnh cuồng thì họ đi xa luôn không quay về được trong đời đó. Cho nên nếu mình muốn ở chỗ giác ngộ giải thoát thì mình dừng lại được, còn không thì chúng ta đi xa giống như người bệnh cuồng vậy thôi. Do vậy mà thực tại hiện tiền giác ngộ giải thoát đã vốn có ở nơi cuộc sống này rồi, nên khi chạm mắt, chạm tai duyên cảnh chúng ta khéo dùng cho rút xuống tầng dưới.

Ví dụ quý vị đang nghe như thế này thì mọi âm thanh hiển hiện một cách rõ ràng, có bao nhiêu tiếng động quý vị đều nghe một cách rõ ràng. Nếu chúng ta dừng lại ngay cái nghe này thôi thì không có sanh tử, không có vọng niệm,

không có buồn thương giận ghét. Ngay chỗ nghe rõ ràng này, không có vướng mắc, không có khổ đau. Nhưng chúng ta không chịu dừng lại ngang đây, chúng ta mới bắt đầu rút xuống tầng so sánh, mỗi người bắt đầu sở hữu một cái gì đó rất riêng, như người thì nghe tiếng xe chạy, người thì nghe tiếng máy nổ..., chứ thực sự trong lúc âm thanh động chúng ta đồng thời nghe cùng một lúc.

Một người tinh tấn thực sự là người đó dừng lại chỗ rất chung của mình là chỗ bình đẳng mà chư Phật, chư Bồ tát muốn chỉ chúng ta, chỗ hiện tiền sáng suốt chưa từng động niệm. Còn không tinh tấn thì chúng ta lại rút xuống tầng tâm thức để chúng ta bắt đầu phân biệt. Khi chúng ta phân biệt như vậy rồi thì chúng ta mới giật mình tỉnh giác là bây giờ mình đã vọng động nên mình bắt đầu tu, mình trừ khử những ý niệm phân biệt của chính mình. Dù có tinh tấn trừ khử thì chúng ta cũng chưa sạch hết những chủng tử nghiệp thức, lý do là chúng ta đã huân tập cái gốc căn bản sanh tử tại cái thấy nghe này. Trong từng thời khắc một, chúng ta đang nghe là chúng ta đang dừng lại tại cái nghe rỗng lặng, thanh tịnh này, hay là chúng ta rút xuống tầng phân biệt, chúng ta phải đủ trí tuệ để thấy cho ra chỗ này thì đó là người tinh tấn Ba la mật.

Một người tinh tấn đúng mực đối với đạo Phật thì quý vị phải hết sức tỉnh táo, hết sức tỉnh giác khi chúng ta xúc chạm duyên cảnh, bởi vì sao? Bởi vì cả ngày còn sống, còn sinh hoạt là cả ngày chúng ta luôn tiếp xúc với duyên cảnh. Bây giờ mình không muốn nghe mình cũng vẫn phải bị nghe, mình không muốn thấy nhưng mở mắt đi ra ngoài đường mình vẫn phải bị thấy, cái bị nghe bị thấy này phải được giải quyết



ngay tại đó, đừng để bị lôi về nhà nữa thì chúng ta mới là người tinh tấn.

Chạm mắt ngay đó là xong, chạm tai ngay đó là xong, lục căn tiếp xúc với lục trần ngay khi đó là đã xong rồi, không có chuyện về nhà để tính lại, không còn trừ khử, không còn công phu mới được. Đó mới gọi là tinh tấn Ba la mật. Chúng ta có làm được như vậy không? Nếu không, chúng ta khó đạt được cảnh giới giác ngộ. Đây là một sự thật buộc người học Phật chúng ta phải thấy ra, chúng ta không thể bỏ qua khi thấy nghe. Nếu chúng ta không đủ tỉnh giác, không đủ tỉnh táo, không đủ nhạy bén, không đủ nhạy cảm linh thông để nhận diện được mình đã rớt xuống tầng sanh tử thì cả đời chúng ta công phu rất phí uổng.

Bình thường chúng ta thấy một người tu giống như người nhàn rỗi nhưng thực sự trong chuyên môn người tu hết sức tinh tế hết sức nhạy bén, hết sức nhạy cảm. Còn tu mà giống như chai lì, tu mà gặp cảnh là ráng đè ép cho tâm mình nó chai, là không phải. Hết sức là nhạy cảm mà rơi rụng liền tại chỗ, đó là cái khéo của người tu Phật. Chúng ta vừa chạm duyên cảnh là rõ ràng không được khuất lấp.

Ví dụ như có màu nào là chúng ta thấy hết, không phải thấy riêng màu đỏ, thấy riêng màu trắng, thấy riêng màu vàng, dù có bốn màu hiện ra, có năm màu hiện ra, thậm chí một ngàn màu hiện ra trước mắt, chúng ta nhìn một lượt mà không sót mất màu nào. Chúng ta hết sức nhạy cảm để thấy sự tinh tế trong tất cả các màu này, chúng ta thấy rất rõ nhưng mà chúng ta không vướng lại bất kỳ màu nào. Chúng ta ở ngay đó rõ ràng trong sáng là đủ rồi, được như vậy mới gọi là tinh tấn.

Chúng ta lười mỗi là ngay khi đó chúng ta rớt vào phân biệt, cái này nó đẹp, nó đẹp kiểu nào, cái này mình đã gặp ở đâu rồi, và cái này nó đẹp hơn cái trước một chút..., là chúng ta không còn giữ tâm nơi chỗ thanh tịnh sáng suốt nữa. Một người luôn an trú ở nơi nội tâm thanh tịnh sáng suốt của mình là người đó tinh tấn Ba la mật đúng nghĩa của đạo Phật. Còn nếu tâm chúng ta bị lợi lỏng một tí xiu thôi thì chúng ta sẽ rời chỗ chúng ta đang ngồi rồi.

Bây giờ chúng ta đang ngồi đây, chúng ta nghe hết tất cả mọi cái mà không cần phải thêm bớt cái gì, chúng ta vẫn nghe một cách rất rõ ràng không cần phải tốn công tốn sức, không cần tu lâu, tu mau nhưng có âm thanh chúng ta đều nghe giống như nhau, đó là sự bình đẳng tuyệt đối. Nếu chúng ta thực sự tinh tấn, là ở ngay hiện tiền này, cái nghe quý vị thấy một điều hết sức đặc biệt nó không có không gian và không có thời gian, tức là cái nghe này không có trước đó và không có sau đó (quá khứ không có, vị lai không có), chỉ có cái nghe ngay hiện tiền này thôi, tuyệt hẳn không có quá khứ và vị lai. Nghe chỉ là nghe vậy thôi, thì nó không có khoảng cách xa gần. Còn nếu chúng ta nghe như một người ngồi đây nghe âm thanh bên ngoài, hay nghe âm thanh đang hiện bên tai của mình, là chúng ta có không gian nghe, có khoảng cách giữa mình và âm thanh, như vậy là chúng ta vẫn còn rớt vào tầng không gian, thời gian; vẫn còn rớt trong sanh tử. Như vậy nghe đó không tinh tấn.

Tới chỗ này hơi quá chuyên môn nhưng nói Ba la mật là chúng ta phải nói tới Ba la mật, chứ chúng ta không nói lung chùng. Càng học chúng ta càng phải lên lớp cao, càng lúc càng chuyên sâu thực sự. Đạo Phật không phải chúng ta

học để thỏa mãn kiến thức mà học để chứng mọi cảnh giới mà chư Phật, chư Tổ dạy chúng ta. Người học Phật là phải như vậy.

Nếu chúng ta không tu Lục độ Ba la mật để có thể chứng đắc thì công phu chúng ta chỉ lung lừng nửa chừng mà thôi. Cho nên chúng ta đều phải có kiến giải hết sức chuyên môn trước khi hạ thủ bất kỳ công phu nào. Khi chúng ta học tinh tấn Ba la mật thì chúng ta phải thấy Ba la mật thực sự. Thấy Ba la mật, nghe Ba la mật, nghĩ, niệm đều Ba la mật trong cuộc sống này, như vậy mới gọi là tinh tấn Ba la mật đúng với đạo. Còn nếu thấy nghe mà chúng ta còn trừ khử, còn phải vướng mắc trở lại, để rồi tối tụng kinh mới trừ khử, hoặc chiều sám hối mới trừ ra, hoặc tháng sau chúng ta tu Phật thất chúng ta mới có thể dẹp bỏ được, như vậy là tinh tấn chưa đúng mức.

Đạo tràng chúng ta khi biết được tinh tấn Ba la mật thì quý vị sẽ cố gắng tinh tấn như thế nào mà thời khắc nào quý vị cũng ở bên kia bờ giác ngộ, không đợi tới mai kia một nợ mình chết mới được sanh ở cõi giới an lành. Chúng ta phải thấy trong cái an lành, nghe trong cái an lành, trong giác ngộ thì thời thời khắc khắc chúng ta đã ở cảnh giới an lành rồi.

Tất cả Phật tử chúng ta nên tinh tấn đúng nghĩa với tinh tấn Ba la mật, để rồi ngay hiện tiền này, cho tới những ngày còn lại trong cuộc đời của mình là mình luôn sống trong Ba la mật thật sự, để chúng ta luôn sống trong an lạc, như vậy đời tu chúng ta mới thật sự có ý nghĩa. Chúng ta đừng tu kiểu mà chờ một ngày nào đó, chờ khoảnh khắc sau, chờ lúc nào chúng ta xong việc của mình, chờ lúc nào đó chúng ta mới

được an lạc, còn bây giờ chúng ta không chịu mình vốn an lạc thì rất uổng.

Mong sao đạo tràng chúng ta sẽ nhận được đạo lý giác ngộ giải thoát ngay hiện tiền này, để rồi chúng ta bắt đầu bắt nhịp sống trong chân trời an lạc thật sự, cho tới ngày chúng ta từ giã cõi đời. Nếu ngay hiện tiền này, cái nhân an lạc không khởi thì một chút nữa chúng ta sẽ bị bắt an. Chúng ta phải thấy điều này dài dài về sau, dù chúng ta còn sống bao nhiêu năm, bao nhiêu chục năm, bao nhiêu trăm năm đi nữa mình vẫn sống an lạc. Ngồi tại đây chúng ta an lạc một chút, đứng chúng ta an lạc, đi chúng ta an lạc, nói trong an lạc, cười trong an lạc thì đó là người đang sống tinh tấn Ba la mật đúng nghĩa với đạo Phật. Mong đạo tràng chúng ta sẽ thành tựu công phu này, để đời chúng ta được cái gì đó giá trị thật sự trong tu tập, chứ không chúng ta sẽ bị phí uổng cuộc đời tu tập của chính mình.

## V. THIÊN ĐỊNH BA LA MẬT

Thiên định Ba la mật và Trí tuệ Ba la mật là hai điều hết sức quan trọng cho tất cả giới tu hành. Dù là cư sĩ tại gia hay người xuất gia, nếu chúng ta không nắm vững định, chúng ta không hiểu rõ trí tuệ của đạo Phật thì việc tu học của chúng ta vẫn còn xa cách.

Ngày nào đó tất cả những người tu Phật chúng ta hiểu, hành và đạt được những định trong đạo Phật đã nói và phải có trí tuệ thật sự đúng với chư Phật dạy thì chúng ta mới có hy vọng thoát khỏi tam giới này. Còn nếu như định mà chúng ta chỉ hiểu trên tâm thức và chưa từng tu tập thì coi như việc học đạo của chúng ta vẫn còn ở bên ngoài. Cho nên đối với hai

điều: Thiên định Ba la mật và Trí tuệ Ba la mật là hết sức cần thiết, hết sức căn bản cho tất cả những người muốn tu theo đạo Phật.

Trước hết chúng ta nói tới định căn bản. Nếu tất cả chúng ta có công phu thiên định thì ban đầu đạt được Tứ thiên như: Sơ thiên, Nhị thiên, Tam thiên và Tứ thiên là chúng ta đã vượt thoát cảnh giới của phàm phu, vượt thoát cõi trời Dục giới, bắt đầu bước vào cảnh trời Sắc giới.

### **1. Sơ thiên**

Là Ly sanh hỷ lạc. Khi chúng ta thiên định công phu tu hành thì đến một lúc nào đó chúng ta lìa thoát ngũ dục trần gian, tự động chúng ta có sự hỷ lạc. Trong Sơ thiên vẫn còn tâm tứ, tức là vẫn còn giác quán cho nên cái vui đó do chúng ta quán xét, do chúng ta soi thấu được ngũ dục và chúng ta công phu để vượt qua.

Thay vì trong cuộc sống thường tình, chúng ta lấy tiền tài làm vui, lấy danh vọng, lấy ngủ nghỉ và sắc đẹp làm vui thì khi thiên định đến lúc nào đó tất cả những tiền tài, danh vọng, ngủ nghỉ, sắc đẹp không còn trong tâm mình nữa thì chúng ta sẽ có niềm vui tuyệt vời. Tức là tâm chúng ta sanh hỷ lạc, niềm phúc lạc này không như cái vui thường tình của mình từ trước tới giờ. Lúc này cái vui đó nó khác, rất vi diệu, sâu sắc, nhiệm mầu hơn tất cả những cái vui trần gian.

Đạt được cảnh giới Sơ thiên là chúng ta bắt đầu nếm được một chút hương vị của Phật pháp, đây là có một cái giá để chúng ta phấn đấu công phu chứ không phải là không. Chỉ ban đầu thôi chúng ta đã thấy giá trị Phật đạo có cái gì cao xa thực sự chứ không phải chuyện thường tình. Như chúng ta thường làm phước để được sanh thiên thì cõi thiên đó vẫn còn

nằm trong cõi Dục, đó là cõi trời tầng thấp. Chỉ có công phu thiền định thì mới vượt qua cõi trời Dục giới và cõi trời Sắc giới, đó là Sơ thiên.

Ở cõi trời Sắc giới (cảnh giới Sơ thiên) không còn sử dụng lưỡi và không có ngủi (không có tử và không có thiệt), chỉ còn nhãn, nhĩ, thân và thức. Ở đó không còn sử dụng vật chất của trần gian mà sử dụng tướng và thức của mình để thọ dụng.

## **2. Nhị thiên**

Là Định sanh hỷ lạc. Khi chúng ta sử dụng công phu của mình để tiến sâu trong thiền định đến một lúc nào đó, chúng ta đạt được định sâu hơn, dứt hết cái giác và cái quán của mình, thì đạt được định sanh hỷ lạc, niềm vui bây giờ nhẹ nhàng hơn. Ví dụ gia đình chúng ta có người thân đi đâu xa, lâu ngày mới về thì mấy đứa bé mừng chạy ra ôm vui, còn những người lớn cũng vui nhưng trầm tĩnh, sâu lắng.

Sơ thiên là niềm vui hết sức rộng rãi nơi tâm của chúng ta, nó mãnh liệt nhưng thô động. Còn Nhị thiên là cái vui nhẹ nhàng, thanh thoát, tinh tế và hết sức sâu lắng. Tức là chúng ta nghe sự an lạc khi tất cả vọng tưởng không còn, giác quán không còn thì cái vui nó lộ bày. Vui trong thiền định mới là vui tuyệt diệu.

## **3. Tam thiên**

Là Ly hỷ diệu lạc. Nếu hành giả tiếp tục công phu sâu lắng hơn nữa thì mất đi cái vui theo kiểu thế gian, lúc đó chúng ta được cái diệu lạc sâu kín nữa ở một tầng định rất sâu. Cái an lạc đó xảy ra trong lúc những vọng thức bắt đầu lắng đọng, chỉ còn những gợn lăn tăn nhỏ nhiệm.

#### **4. Tứ thiền**

Nếu hành giả tu tập tiếp thì xả bỏ luôn cái lạc đó nữa, tâm lúc này hoàn toàn thanh tịnh là bước qua Tứ thiền. Đây là cửa ngõ rất khó bước qua nên có nhiều người hiểu lầm.

Chính chỗ hiểu lầm này mà một số hành giả tu Thiền đạt được tâm thanh tịnh, bật dứt những vọng niệm lăng xăng thì họ nghĩ ngay là chứng quả A La Hán rồi nhưng thật sự là chưa phải. Cho nên tới phút cuối cùng trong đời họ hiện ra cái thân để ở cõi trời nào đó, hành giả liền bất ngờ tại sao mình đã chứng Thánh rồi mà còn hiện thân để ở cảnh giới khác, cho nên thói tâm của mình và ngay khi thói thất lại sanh tâm phi báng Phật pháp cho nên bị đọa.

Khi đạt tới Tứ thiền là xả hết những ý niệm rồi, tâm chúng ta hoàn toàn thanh tịnh nhưng lục căn chưa hoàn toàn sạch hết cấu bần, vô minh chưa phá sạch, buông ra chúng ta vẫn còn mù mờ như cũ thì chưa phải là cảnh giới Thánh, điều này hành giả phải biết. Đạt tới Tứ thiền là chỉ sanh tới cõi trời Vô sắc, từ cảnh giới đó sẽ có hai con đường để chúng ta đi. Một là chúng ta tiếp tục thiền định để bước qua Tứ không, đạt tới Bát định và Cửu định, chứng quả A La Hán. Một con đường khác là chúng ta quán Tứ diệu đế để có thể chứng Thánh quả.

**Nếu tiếp tục đi con đường thiền định thì hành giả sẽ đạt tới cảnh giới:**

#### **5. Không vô biên xứ**

Là hành giả diệt trừ tất cả tướng hữu biên là ý tưởng có hình sắc để nhập vào một cái (gọi là không). Lúc đó họ thấy rõ ràng là họ mênh mông khắp hư không này nhưng vẫn

còn có ngã để thấy mình đang rộng lớn. Họ thấy mình vẫn còn trụ ở cái không lớn rộng đó, mình vẫn còn và mình đang trụ. Nó hết sức nhỏ nhiệm khiến một hành giả không nhận ra là mình đang trụ.

Khi đạt tới cảnh giới Thánh là mình với pháp, với hư không này là đồng nhau. Lúc đó cái tướng không vô biên của mình, nó cũng đồng với hư không, không khác nhưng mình vẫn còn là người để trụ trong cái tướng vô biên, chưa phải là chúng ta tan hoàn toàn ngã chấp để hoà vào bể Tánh thanh tịnh.

## **6. Thức vô biên xứ**

Bước qua cõi trời Vô sắc, chúng ta phá được tướng có của mình. Ví dụ như mình ngồi đây tướng nhà cửa, xe cộ, quả đất, trăng sao. Còn cái tướng trong hình tướng thì bị khu biệt, cho nên chúng ta tướng không để mình được vô biên vô lượng là chúng ta bước qua cái tướng thức vô biên. Cảnh trời này vi diệu hơn, chúng ta phá hết cái tướng vô biên trước để chúng ta còn cái thức là một sự phân biệt mênh mông khắp pháp giới, không có ngăn mé, đây là cảnh giới mà rất nhiều người tu Thiền làm lẫn.

Tại vì họ ngồi lắng diệu, họ có cái biết rộng khắp, chỗ nào họ cũng biết hết. Cái tri giác đó nó rất thâm lặng, không phân biệt bằng cái đầu, không phân biệt bằng suy nghĩ mà chúng ta rớt vào trong cảnh giới phân biệt mênh mông, không còn ý niệm lắng xảng như bây giờ. Chỗ này tựa hồ tương ưng với toàn tri của Tự tánh nhưng không phải. Vì toàn tri của Tự tánh là tan biến hết ngã chấp để có được cái hiểu biết. Còn ở cảnh giới thức vô biên, họ có cái biết mênh mông rộng khắp mà nửa tan biến cái thân này, nửa còn lại rất khó phân định.



Tức là giống như mình đã mất thân rồi mà thực sự là chúng ta còn đang trụ trong đó để chúng ta biết mọi cái. Nếu học đạo không kỹ, chúng ta dễ bị lầm. Ở cảnh giới này thì họ có rất nhiều khả năng hơn người bình thường, thậm chí biết chuyện quá khứ vị lai chút chút.

### **7. Vô sở hữu xứ**

Hành giả tiếp tục công phu nữa lắng sâu trong thiền định để đạt Vô sở hữu xứ, tức là phá luôn cái thức vô biên để chỉ còn cái không còn bất kỳ sở hữu nào. Không còn có thức phân biệt, không còn có tướng vô biên, không còn có thức vô biên, không còn có chỗ, có nơi. Lúc này hành giả có chút phát sanh hiểu biết kiến giải của mình về Vô sở hữu là cái không chấp trước, thấy gần như đi đâu mình cũng không dính mắc, mình làm gì cũng không dính mắc. Nhưng mà thật sự chưa phải, chưa phải là sự không vướng mắc hoàn toàn, nó chỉ tương ứng với lý vô trụ trong thiền Đại thừa.

Càng công phu thiền định chừng nào thì càng đòi hỏi sự tinh tế chừng đó. Đòi hỏi trí tuệ phải hết sức nhạy cảm để nhận ra cảnh giới chúng ta bước qua. Ở đây có giới lắm thì cũng là cõi trời Vô sắc mà thôi chứ không phải là bước vào cảnh giới vô trụ của Tự tánh. Khi đạt được định Vô sở hữu xứ tức là không có bất kỳ nơi chốn nào thuộc về mình cả, lúc này mình gần như là tuyệt nhiên không còn chỗ để trụ, để chấp, để vướng, không còn có chỗ để nương tựa nữa và đôi lúc gần như chúng ta mất thân. Lúc đó vẫn còn thấy một tí xíu về cái thân mình, tí xíu nào đó thấy mình là người không có trụ là vẫn còn mình ở chỗ đó.

## 8. Phi tướng phi phi tướng xứ thiên

Nếu tiếp tục thiên định, chúng ta sẽ đạt được định thứ tám là Phi tướng phi phi tướng xứ thiên. Cảnh giới này gần như tuyệt hẳn cái tướng. Cái tướng còn hết sức nhỏ nhiệm là sự manh nha giống như chúng ta nhìn lên mặt trời có một áng mây nhỏ gọn lặn tẩn trước ánh sáng mặt trời, vẫn rơi xuống trần gian, nếu dứt tướng này chúng quả A La Hán liền.

Đến cảnh giới này tướng gần như tan biến nhưng vẫn còn gốc gác chưa phá được. Tức là chưa phá được vô minh, vì tướng chưa dứt sạch. Phi tướng phi phi tướng xứ thiên là gần như dứt cái tướng của ám rồi, cũng không có cái tướng xứ sở, đây là nơi chôn ranh vực giữa phàm và Thánh (gần như tan biến nhưng vẫn còn cái ngầm phát sanh). Như chúng ta nhìn ngoài biển khơi sóng gió ba đào nhưng làn vô sông thì sóng nhẹ (đó là trải qua những thiên định), vô kênh rạch thì gần như sóng biển chỉ còn cái gọn lặn tẩn nhỏ nhiệm nhưng đến nước trong hồ thì in tuồng như phẳng lặng, nhìn kỹ mới thấy vẫn còn gọn nếu có chút giao động của gió.

Với trí tuệ Phật đạo thấy rằng Phi tướng phi phi tướng xứ thiên vẫn chưa dứt được ngã chấp. Đây là chỗ thái tử Tất Đạt Đa cầu đạo. Khi gặp ông Uất Đầu Lam Phát dạy trong vòng một tuần lễ, thái tử Tất Đạt Đa đã đạt được cảnh giới Phi tướng phi phi tướng xứ thiên nhưng vẫn chưa trả lời được ba câu hỏi quan trọng trước khi Ngài xuất gia:

Thứ nhất là con người tại sao phải sanh ra, lớn lên và chết?

Thứ hai, trước khi chúng ta tới đây, chúng ta ở đâu?

Thứ ba, sau khi chúng ta chết, chúng ta về đâu?

Đó là ba câu hỏi mà thái tử Tất Đạt Đa bỏ hoàng cung để đi tìm câu trả lời. Khi thái tử đạt tới cảnh giới Phi tướng phi phi tướng xứ thiên thì ông Uất Đầu Lam Phát thấy quá tuyệt vời nên ông mời thái tử ở lại để chia nửa đồ chúng cùng nhau giáo hoá. Lúc đó ông có hơn một ngàn đệ tử. Khi đó, thái tử Tất Đạt Đa hỏi rằng: “*Cảnh giới này có dứt trừ được ngã chấp chưa?*.” Ông Uất Đầu Lam Phát không thể trả lời được. Với trí tuệ của bậc chuẩn bị chứng Thánh quả thì Ngài cũng thấy rõ ràng là ngã chấp chưa dứt trừ, cho nên Ngài từ già ông Uất Đầu Lam Phát tiếp tục hành đạo.

### **9. Diệt Thọ tướng định**

Nếu hành giả tiếp tục thiền định tinh tấn thì dứt trừ được ngã tướng, ngã chấp, đạt tới định thứ chín là Diệt thọ tướng định. Lúc này hành giả không còn bất kỳ cảm nhận nào nơi thân tâm của mình nữa gọi là diệt thọ. Thậm chí cả hỷ lạc, diệu lạc nơi tâm hành giả gần như tắt mát, không còn bất kỳ một gợn cảm nhận nào, mà ban đầu vào được định này dù có sập trời, sập đất họ cũng không hay.

Thời Đức Phật tại thế, có vị A La Hán đang nhập Diệt thọ tướng định. Một anh nông dân sáng đi làm, thấy ông ngồi đó, chiều về vẫn thấy còn ngồi đó, hôm nay cũng vậy, mai cũng vậy, cả tuần cũng vậy, thấy Ngài ngồi đó tội quá chết không ai thiêu nên chất củi đốt ngài, thiêu cháy rụi hết, mấy hôm sau đi chợ thấy đúng là ông thầy đó mặc áo cháy xém xém. Nhập trong định này, chẳng những thân mình bị đốt không cháy mà đồ quần nơi thân cũng không bị cháy. Định diệt thọ tướng rất kiên cố, khó phá, cho nên các vị này chết, thiêu thân xá lợi nhiều ngàn năm không hư rã là vậy. Còn

những vị định thấp hơn thì vài trăm năm xá lợi tự động rã. Đạt được định này là chứng quả A La Hán.

Được định này tất cả những mầm mống của tướng ám, ngã tướng, ngã chấp đều tan biến không còn nữa. Tất cả những thọ nhận nơi thân và tâm tuyệt nhiên tắt mất, để vô cảnh giới vượt ngoài cõi trời Vô sắc, lúc này mới vượt ngoài tam giới, hoàn toàn chứng quả A La Hán. Đó là con đường thiên định căn bản chứng được quả Thánh hiền.

Còn một con đường khác, sau khi đã tới Tứ thiên thì sử dụng trí quán Tứ Diệu Đế để chứng Thánh quả.

Hành giả quán cái khổ của cõi trần gian trong tam khổ hoặc là bát khổ, rồi quán tới nguyên nhân để sanh khởi khổ đó thì sử dụng một số công phu ở trong Bát chánh đạo để rồi chứng quả vị Thánh. Tức là đạt được chánh kiến, chánh tư duy theo sự huân quán tu tập của mình cũng đi đến quả vị A La Hán, khác với con đường trước.

Theo cái nhìn của hệ thống Nguyên thủy, vị nào chứng quả A La Hán xem như đã xong công việc của mình, xong việc của một phạm phu quay trở về cõi giới Thánh hiền. Có người tu tập theo Mười hai nhân duyên thì chứng quả Bích Chi Phật, quán theo chiều sanh diệt: Vô minh duyên hành, hành duyên thức, thức duyên danh sắc, danh sắc duyên lục nhập, lục nhập duyên xúc, xúc duyên thọ, thọ duyên ái, ái duyên thủ, thủ duyên hữu, hữu duyên sanh, sanh duyên lão, tử. Và quán ngược lại theo chiều hoàn diệt: Vô minh diệt thì hành diệt, hành diệt thì thức diệt, thức diệt thì danh sắc diệt, danh sắc diệt thì lục nhập diệt, lục nhập diệt thì xúc diệt, xúc diệt thì thọ diệt, thọ diệt thì ái diệt, ái diệt thì thủ diệt, thủ diệt

thì hữu diệt, hữu diệt thì sanh diệt và sanh diệt thì lão, tử diệt. Đạt được định là chứng quả Bích Chi Phật.

Quả Bích Chi Phật có hai dạng: Một dạng là Độc giác, dạng khác là dạng căn bản quán Thập nhị nhân duyên. Độc giác là vị ra đời không gặp Phật, không học giáo lý của Đức Phật nhưng vẫn tu tập chứng quả Bích Chi Phật. Còn dạng do quán Mười hai nhân duyên của Đức Phật thì cũng chứng quả Bích Chi Phật.

Do công phu huân quán tu tập thiền định của mình mà hành giả vượt thoát sinh tử luân hồi. Cho nên chúng ta thấy con đường nào cũng phải trải qua thiền định, rồi mới dứt trừ được những cấu nhiễm trong tâm thức sau đó mới chứng quả Thánh hiền, vượt thoát tam giới này. Còn nếu không trải qua công phu thiền định mà nói được đạo giải thoát thì chuyện đó không có trong kinh điển của đạo Phật. Do vậy chúng ta phải thấy con đường thiền định là con đường độc nhất để đưa tất cả chúng ta đi đến quả Thánh hiền, vượt thoát khỏi tam giới.

Đến đây chúng ta nói thêm một bước nữa của các vị Bồ Tát, các vị sử dụng Lục độ Ba la mật để chứng quả Bồ Tát. Khi một vị Bồ Tát đi vào công phu thì có khác hơn công phu của phàm phu tu tập.

Ví dụ tới cảnh giới cao ngang tầm Bích Chi Phật là quán nhân duyên để thấy Mười hai nhân duyên, nó biến thành không để chứng được quả tức là đạt được định sâu để chứng quả Bích Chi Phật. Nhưng với các vị Bồ Tát thì ngay từ khi giác ngộ, sẽ thấy tất cả cảnh giới này là không một cách rất thuần thực, thấy tam giới này là không một cách rất thuần thực để đạt được “không định” của Bồ Tát.

Khi đạt được cảnh giới “không định” của Bồ Tát là phá trừ được ngã chấp, pháp chấp, chúng quả Bồ Tát. Từ địa vị Bồ Tát thì có Thập nguyện, Thập hạnh, Thập hướng và Thập địa, trải qua mười cảnh giới địa của Bồ Tát rồi mới đạt tới Đẳng giác, tới Diệu giác, mới chứng thành Phật quả.

Chúng ta không có thời gian phân tích hết năm mươi hai địa, năm mươi hai hạnh của các vị Bồ Tát. Tất cả những cái địa, những hạnh, những hồi hướng tâm, đều phải trải qua công phu thiền định mới được. Các vị trải qua rất nhiều đời nhiều kiếp mới tới cảnh giới sâu của Thiền định.

Theo cái nhìn của hệ thống Đại thừa, một hành giả tu theo Đại thừa, khởi đầu công phu tu hành của mình huân quán thân này là không, tâm này là không, cảnh giới này là không, lần lần đạt được cái không của Tự tánh. Nhưng cái không của Tự tánh không phải là do chúng ta tu mới có. Mà cái “không” này không phải là không so với có.

Ví dụ: Ở đây có cái bông, còn khoảng không có bông là khoảng không. Cái nhìn của Bồ Tát không phải như vậy mà các vị có một cái nhìn khác: Có một cái “không” mà nó không phải ở nơi có cũng không phải có ở nơi không.

Ở nơi chúng ta có một cái “không” mà từ trước tới giờ chúng ta chưa nhận ra. Ví dụ quý vị nhìn đây là cái bông, quý vị biết được khoảng không này và biết được khoảng có này. Như vậy chúng ta có một cái biết, nó không phải ở nơi có, không phải ở nơi không nhưng nó có mặt ở nơi có và có mặt ở nơi không thì đó mới là cái không của Tự tánh, đây là chỗ mà kinh điển Đại thừa thường hay nói.

Chúng tôi nhớ câu chuyện thời Tổ huệ Hải, ngài Lão Tử là người ngộ đạo rất sâu, nhưng đệ tử của ngài thì lại lầm

ý của Sư phụ nên cái gì cũng tự nhiên, thiên nhiên, do đó mới đặt câu hỏi với ngài Huệ Hải: “*Có cái gì hơn cái tự nhiên, thiên nhiên không?*.” Ngài Huệ Hải là một Thiền sư cho nên ngài nói: “*Có, có cái biết hư không, cái biết thiên nhiên, cái đó hơn thiên nhiên và tự nhiên*”.

Chúng ta cũng vậy, chúng ta ngồi tại đây, khi chúng ta thấy khoảng không và thấy hình sắc, như vậy là cái biết của chúng ta đang có mặt ở hư không và đang có mặt ở hình sắc, đúng không? Cái đó hơn hư không là chỗ mà kinh điển chỉ chúng ta, chỗ mà chư Phật, chư Bồ Tát chỉ chúng ta.

Ví dụ chúng ta đang nhìn trước mắt là khoảng không và bức tường thì trong cái nhìn ban đầu thanh tịnh chưa có gợn mây tình nào, chúng ta vẫn rõ khoảng không và hình sắc, chưa tới danh tự nó là bức tường, chưa tới danh tự nó là hư không nhưng chúng ta vẫn đang rõ biết, đó là cái biết hơn hư không mà tất cả chúng ta đều có.

Đây là chỗ chính yếu mà Thiền định Ba la mật muốn chỉ bày. Định này nếu một hành giả đạt được, nhận được thì không còn nhập và xuất nữa, lúc nào cũng rõ biết, lúc nào cũng ở trong cái rỗng lặng thanh tịnh tuyệt đối, không trải qua nhập và xuất nữa mà nó luôn luôn lộ bày.

## VI. TRÍ TUỆ BA LA MẬT

Đến đây chúng ta phải đề cập đến huệ, vì định huệ đến mức độ này là nó không trước không sau. Định này cũng gọi là thể và huệ cũng gọi là dụng, từ chuyên môn gọi là tịch mà thường chiếu, chiếu mà thường tịch, tức là định huệ đồng đẳng. Trước khi nói đến trí huệ Ba la mật thì chúng ta nói một

số huệ tương đối để chúng ta lần lần tiếp nhận được huệ Ba la mật một cách tuyệt đối.

Lúc chúng ta công phu thiền định, hoặc chúng ta sinh hoạt trong đời sống thường tình thì ai cũng có huệ. Cũng như bắt đầu tu là chúng ta có huệ rồi. Có trí huệ chúng ta mới chọn con đường khác, chứ không có trí huệ là chúng ta đã lún sâu vào con đường ngũ dục, không có lối thoát. Chúng ta cứ suốt đời phục vụ cho danh lợi, phục vụ cho tiền, phục vụ cho ăn uống, phục vụ cho ngủ nghỉ, ngoài cái đó ra chúng ta không biết chuyện gì thêm, đó gọi là vô minh, không có trí huệ.

Ở đây chúng ta không bàn tới huệ căn bản là: Văn, tư, tu mà chúng ta muốn bàn một con đường thẳng tắt để chúng ta có thể nhận được trí huệ Phật đạo theo lối lý luận của trí huệ Ba la mật trong Lục độ Ba la mật. Chúng ta bắt đầu tu tập, chọn lựa pháp môn là chúng ta đã sử dụng cái dụng của trí để đi vào bất cứ pháp môn tu tập nào. Trong lúc tu chúng ta nhận ra được cái đúng cái sai của chính mình, nhận ra được thiện ác của chính mình là lúc đó chúng ta bắt đầu có trí huệ thêm một chút.

Dần dần trí huệ càng lúc càng sâu hơn, chúng ta nhận rõ từ tâm thô của mình cho tới những vi tế sanh khởi trong tâm. Ví dụ lúc đầu thiền định được vài phút, chúng ta khởi nghĩ chuyện hôm qua mình đi đâu, gặp ai cự cãi, rồi mình tức người ta, thậm chí mình còn làm bầm chửi người đó nữa, mình mới nhận ra mình tu mà nãy giờ vọng tưởng, thôi đừng vọng tưởng nữa, chúng ta cắt cái luồng tư tưởng đó. Rồi sau đó vọng tưởng lại khởi lên, chúng ta cắt từng cơn vọng tưởng. Rồi dần dần trí huệ chúng ta nhạy bén hơn một chút, chúng ta



sẽ nhận diện ra được ý niệm sanh khởi, vừa khởi ý niệm là chúng ta dừng được liền nơi tâm của mình.

Càng công phu thiền định sâu lắng chừng nào thì trí huệ chúng ta nhảy bén chừng đó. Cho tới khi vừa có chớm khởi vọng niệm, ngay khi đó trí huệ chúng ta hoá tán được. Song song với định là huệ. Chúng ta càng định chừng nào thì huệ chúng ta càng sáng tỏ chừng đó. Không phải định rồi mới phát sanh huệ theo con đường của Nhị thừa nói: Là đạt được Cửu định, Diệt tướng định mới phá được vô minh, mới có trí huệ giác ngộ. Còn con đường Đại thừa thì khác hơn. Tức là định một chút là trí sáng một chút, định sâu chừng nào thì trí sáng chừng đó. Trí càng sáng chừng nào thì càng thấy tinh tế sâu sắc chừng đó. Trí sáng chừng nào thì càng nhảy bén linh động chừng đó. Đó là con đường Trí tuệ Ba la mật.

Vậy là càng công phu sâu lắng thì trí tuệ càng nhảy bén tinh tế để thấy được những gợn lăn tăn, những mảy tình hiện khởi rất nhỏ nhiệm. Ví dụ, chưa ai đủ sức thấy được hành ấm mà chưa thấy được hành ấm là chưa phá vỡ được thức ấm, cho nên không thể đạt tới ngũ uẩn giai không.

Cũng như tướng ấm. Ví dụ ngồi đây nhắm mắt lại, chúng ta sẽ thấy lại khuôn mặt người đẹp nào mà mình vừa gặp hôm qua, hoặc sẽ nghe lại âm vang câu nói hết sức ngọt ngào của một người làm mình rung động, hoặc nghe lại một lời nhạc nào mình thích, ... Tất cả những âm thanh và hình sắc đó gọi là tướng. Người tu không dứt trừ được hình tướng và âm thanh này thì không lắng sâu trong thiền định được. Buộc hành giả công phu thiền định sâu chừng nào thì tướng này phải mất chừng đó, mất đến mức độ nơi tâm người đó không còn một gợn lăn tăn nào.

Khi dứt được hình bóng âm thanh nơi tâm mình rồi, lúc đó chúng ta mới biết tới hành âm. Tức là dứt trừ được tướng âm thì mới thấy hành âm. Hành âm như một dòng sông chảy cuộn cuộn, còn tướng âm như những bọt nước nổi trên mặt sông mà thôi. Cho nên khi chúng ta ngồi thiền mà chúng ta thấy ý niệm này, ý niệm kia, buồn người này, nhớ người kia, giận người nọ trong đầu mình thì đó là tướng âm đang lộ trên bề mặt của hành âm. Trí chúng ta chưa có sâu vì bị cái tướng bít lấp nên chúng ta không thấy hơn tướng được. Trí huệ Phật đạo là sau khi phá vỡ được tướng âm thì chúng ta mới thấy cuộn cuộn trong tâm thức hành âm xảy ra bằng một tỷ lệ thừa tỷ của tướng, mà mình chưa dẹp được tướng thì đừng nói chuyện thiền định sâu. Nếu tướng còn đầy ắp trong tâm mà nói chuyện ngộ đạo là rất xa vời.

Một hành giả công phu trí tuệ bắt đầu phát sáng nơi tâm là chúng ta thấy được những hiện khởi của tướng âm, rồi thấy được hành âm ở nơi thân, nó tạo nên ý chí, tạo nên hành động. Ví dụ khi chúng ta ngồi thiền, chúng ta quyết định mình ngồi một tiếng thì cái đó nó phát khởi trong hành âm rồi, bắt đầu tướng mới khẳng định là mình ngồi một tiếng. Chết cũng ngồi một tiếng, sống cũng ngồi một tiếng, nó tạo thành ý thức mãnh liệt để mình ngồi một tiếng. Đó là năng lực phát động của hành âm chứ không phải của tướng. Tướng chỉ biết sanh khởi chứ nó chẳng làm được cái gì.

Cho nên ý chí để chúng ta leo núi, hoặc để chúng ta sống chết, chúng ta vượt khó được là phát khởi từ nguồn hành âm. Tất cả các nguồn cộng với cư xử, cộng với việc làm trong đời sống này đều phát nguồn từ hành âm. Còn tướng âm thì lộ ra bề mặt ngoài hết sức mong manh.

Người tu phá được tướng thì mới nói chuyện sâu đến thiền định, còn nếu không trí huệ của chúng ta còn ở màng ngoài hết. Khi thiền định diệt trừ được lớp tướng ấm thì chúng ta sẽ thấy được cái gọn của hành ấm. Nếu thiền định giỏi gì thì giỏi mà chưa thấy được cái manh nha (có nghĩa là tướng nó chưa thành ý niệm) trong tâm thức thì chưa phải là trí huệ sâu. Cho nên khi manh nha chưa thành gì là chúng ta phải phát hiện ra, tự hoá tán ngay chỗ manh nha đó để không trở thành ý niệm nữa thì chừng này là trí huệ hơi kha khá rồi.

Nếu chúng ta không thấy cái manh nha này thì không thể thấy hành ấm, mà không thấy hành ấm thì không thấy nổi thức ấm phân biệt như thế nào, mà không thấy thức ấm phân biệt như thế nào thì không thể phá vỡ được Ngũ uẩn, để một phen ngũ uẩn giai không mà ngộ được Phật pháp, thoát khỏi sanh già bệnh chết.

Chúng ta thấy rằng chiều sâu của trí tuệ và thiền định rất sâu lắng, người học Phật đạo là những nhà khoa học gia bậc thầy để khám phá tâm linh. Còn khoa học có máy móc để đo đạc thì chưa tới đâu hết, có khi cả mấy ngàn năm nữa nó mới biết tới.

Tới giờ phút này đã trải qua nhiều ngàn năm rồi, khoa học mới đạt tới điều mà chúng ta thấy hơi tương đối sâu sắc là họ đã nhìn ra vật chất là Chân không. Họ thử nghiệm trên một phân tử kim cương, đưa vào máy siêu tốc để đo, họ thấy giao động của phân tử kim cương bằng mười lữ thừa mười vận tốc của ánh sáng. Vật càng rắn chắc chừng nào thì dao động phân tử càng nhanh chừng đó. Như hư không xuyên qua mặt trời chúng ta thấy các phân tử dao động rất chậm, mắt thường có thể thấy được. Còn soi trong kính hiển vi, chúng ta

sẽ thấy giao động của phân tử hydro và oxy trong nước. Còn cái bàn chúng ta thấy ù lì ở đây nhưng thật sự phân tử của nó dao động rất nhanh, nhanh gấp một ngàn lần giao động của phân tử nước. Do đó, khoa học kết luận vật chất là Chân không.

Người thiền định sâu trong Phật pháp thì họ sẽ thấy được chiều sâu của vật chất này. Tức là thấy vật chất là Chân không thật sự, chứ không phải thấy vật chất là vật chất. Tức là họ thấu được tận Chân không của tất cả mọi hình thể trong nhân gian này một cách rất rõ ràng, đó là trí tuệ của đạo Phật. Nếu chúng ta nhìn vật chất vẫn còn nguyên ở nơi đó thì chắc hẳn chúng ta bị dính mắc. Cho nên hành giả phá từ từ, phá tướng ấm tới hành ấm. Thực sự hành ấm phát động khủng khiếp mà chúng ta nói là tất cả những hành động, những cử chỉ, những lời nói, những việc làm, những buồn thương giận ghét trong trần gian này đều xuất nguồn từ hành ấm cả.

Do vậy hành giả không phá được hành ấm thì không phá được vòng luân quần sanh tử luân hồi, nhưng thiền định đến mức nào để chúng ta thấy được hành ấm để phá đây? Rất khó! Tới đây công phu rất phải rất sâu.

Ngay cả chuyện thần thông phép mầu đều xuất phát từ hành ấm. Chuyện ma dựa, ma nhập, tiên tri đều xuất phát từ hành ấm. Chúng ta thấy vận hành của hành ấm rất khủng khiếp mà tướng ấm là cái nhại lại của hành ấm mà thôi.

Những vị tu sâu thì trong chớp nhoáng đã trả lời xong hàng loạt những câu hỏi chứ không phải một câu trong đầu. Hành ấm phát sanh rất nhanh, họ sử dụng được hành ấm để đi vào nhân gian, người đó hết sức là lanh lợi, hết sức là siêu xuất. Khi chúng ta công phu thiền định đạt trí tuệ để thấu hiểu

và vận dụng được hành âm thì đời sống đó trở thành huyền thoại trong nhân gian, không phải bình thường. Rồi hành giả phải công phu để trí huệ phá vỡ được hành âm, phá vỡ được thức âm mới đạt được Trí tuệ Ba la mật.

Thức âm là cái biết trùm khắp. Đoạn trước chúng ta nói Thức vô biên xứ, Không vô biên xứ thì gần gần với thức này nhưng mà không phải. Đây là hai con đường khác nhau: Thức vô biên xứ do thiên định thì nó khác, còn thức này không do thiên định mà nó biết khắp. Nương thân căn này chúng ta biết nếu không có thân căn này thì sẽ không có cái biết đó.

Cái biết nó nằm trên tai, trên mũi, trên lưỡi, trên thân của chúng ta. Nơi mắt, tai, mũi, lưỡi, thân chúng ta có cái biết này. Mắt chúng ta thấy tới đâu là chúng ta biết tới đó, tai chúng ta nghe tới đâu là chúng ta biết tới đó, cái này gọi là cái biết của thức âm mà không phải là sự giao động phân biệt. Cái thức chúng ta hết sức trong sáng, không bị nhiễm bấn nhưng nó còn bị kẹt trong thân căn, do đó chúng ta chưa phát sanh trí huệ Phật đạo một cách trọn vẹn. Tức là thức chưa biến thành trí chứ thức này cũng đã vô biên, thức này cũng đã trùm khắp và cái tri này hết sức thanh tịnh, không khởi niệm mà biết, cái biết đó là cái biết của thức, không phải là cái biết của trí. Do đó, có rất nhiều người tu Thiền lầm lẫn, họ nghĩ là họ đã ngộ rồi.

Biết mà không khởi niệm, nghe mà không khởi niệm, thấy không khởi niệm, ngửi không khởi niệm, họ cho đó là Tánh. Nhưng không phải! Hoàn toàn không phải! Chừng nào bỏ cái thân này chỉ còn cái biết thì hy vọng đúng. Tức là cái biết của chúng ta lúc đó không sử dụng thân căn nữa, chưa nói tới cái biết toàn tri kia, sâu hơn nhưng ít ra phải có cái lần

không thân mà biết thì hy vọng chúng ta biết Tự Tánh như thế nào.

Người tu Tịnh độ đến một cảnh giới mà chúng ta nhận ra được A Di Đà là Vô lượng thọ, Vô lượng quang thì phải có một phen là *“lâm mạng chung thời, A Di Đà cùng chư thánh chúng hiện tại kỳ tiền”*. Tức là cũng phải một lần chết. Khi chúng ta chết một lần toàn triệt cả thân căn ngữ uẩn của mình thì lúc đó chúng ta mới biết Vô lượng thọ, Vô lượng quang là cái gì. Lúc đó mới gọi là A Di Đà hiển lộ nơi tâm của chúng ta, còn không là cũng chưa phải, không chết thì không thấy được Phật.

Người nào có lần đang ngồi như thế này, thân tâm chúng ta bị khoá chặt, tướng tượng như dòng nước bị nhiều, khoá chặt một cái là không còn một giọt rớt xuống. Toàn thân đông cứng một lần chứ không phải là mất thân nữa, không khởi một niệm trong đầu. Đường như có một mảnh lực nào đó khoá chặt toàn thân, cả vũ trụ này đứng lại một cái, xong bắt đầu mới tan biến, hoà nhập vào bể Tánh, Trí tuệ phát sanh thì lúc đó mới gọi là người ngộ Tánh theo kiểu của nhà Thiền. Còn chưa có một lần như vậy thì biết là mình còn đang ở bên đây bờ sanh tử.

Ngay phút giây đông cứng đó là chúng ta phát sinh trí huệ, thấu hiểu chân lý và vũ trụ thì gọi là định huệ đồng đẳng phát sanh, lúc đó mới gọi là định huệ đồng đẳng Ba la mật. Còn theo Tịnh độ thì lúc đó A Di Đà hiển hiện nơi tâm thức của chúng ta, lúc đó chúng ta thấy nhìn khắp trong vũ trụ mênh mông này không thoát thứ nào. Nhìn bằng cái thấy nhìn của Phật, chứ không còn cái nhìn thấy của chúng sanh nữa.

Cái thấy nhìn của Phật đến đâu là đúng chân lý tới đó, gọi là “chư Thánh chúng hiện tại kỳ tiền”.

Sau lần chúng ta đông cứng chết ngắc đó, chúng ta mới bắt đầu tan biến thành hư không một lần và lúc đó ta thành Tự tánh. Toàn thân tâm tan biến mất rồi, lúc đó chỉ lộ bày cái Vô lượng thọ và Vô lượng quang theo cái nhìn của Tịnh độ. Và theo cái nhìn của Thiền thì lúc đó lộ lộ Tự tánh của mình, không còn con người ở đây để nhận Tánh, tan biến mất ngã và tất cả pháp. Lúc đó khắp vũ trụ này chỉ hiện một cái tri là toàn tri, chùng đó được gọi là ngộ Tánh của nhà Thiền, chùng đó mới gọi là tới Tây phương Cực Lạc theo cái nhìn của Tịnh độ.

Chỗ mà toàn tri chưa bị nhiễm trần từ ngàn xưa cho tới bây giờ, lúc này mình mới biết Tự tánh mình từ xưa tới giờ vốn tự thanh tịnh, Tự tánh mình vốn trùm khắp pháp giới. Lúc đó theo nhà Thiền gọi là ngộ đạo. Đạt tới cảnh giới đó mới gọi là thiền định Ba la mật và Trí tuệ Ba la mật, không đơn giản như từ trước tới giờ mình học. Tới lúc đó được nói câu “*vô công dụng hạnh đạo*”, còn chưa tới cảnh giới này thì khoan hãy nói câu đó.

Chúng ta chưa thực sự tới cảnh giới này, chưa đạt được thiền định Ba la mật và Trí tuệ Ba la mật ở chùng ngần này thì đừng bao giờ bàn luận tới chuyện siêu xuất tam giới làm gì. Chúng ta càng nói nhiều thì chúng ta càng bị lỗi nhiều. Do vậy khi một người tu theo Lục độ Ba la mật là chúng ta phải biết tới chùng này.

Nếu trở lại cuộc sống đời thường, một người tu thấy tam giới còn một sự sai biệt là chưa đủ Trí tuệ Ba la mật. Tức là trong đi, đứng, nằm, ngồi người đó ở trong toàn tri tuyệt đối

cho nên cái gì chạm mắt, chạm tai họ, lục căn chạm lục trần là bằng cái toàn tri để xúc chạm. Dù họ nằm không, họ ngồi không, họ đi, họ đứng, họ làm gì đều là toàn tri, không còn có chuyện thứ hai xảy ra nơi tâm thức của họ nữa. Đó là con người đạt đạo thì mới được quyền thâm nhập tất cả các cảnh giới sống mà không bị cái gì vương lại, còn không là chúng ta sẽ bị vương.

Đạt cảnh giới này là “*Bất thối Bồ tát vi bạn lữ*”. Người đó bắt đầu đi vào cuộc sanh tử sắp tới, dù một triệu kiếp đi nữa, họ đi xuống địa ngục, hay đi xuống cõi nào đi nữa, họ vẫn an ổn thanh tịnh tuyệt đối hoàn toàn, không có cảnh giới nào có thể nhiễm được người này.

Một điều lạ lùng nữa là khi đã thâm nhập cảnh giới toàn tri đó thì đại bi tâm cũng bắt đầu trùm khắp pháp giới chúng sanh. Từ đó trở về sau, tất cả những hành động dù hết sức nhỏ của họ, họ cũng làm lợi lạc cho chúng sanh muôn loài. Một mảy may ý niệm xảy ra nơi họ cũng đều là mảy may ý niệm làm lợi lạc cho tất cả chúng sanh muôn loài, hoàn toàn không có việc thứ hai. Không bao giờ một người nhập Tánh còn một cái mảy may gì đó cho riêng mình. Nếu từ đó về sau mà còn cái gì đó cho riêng mình thì không phải.

Cho nên một phen sạch hết tất cả ngã chấp; tức là sắc, thọ, tưởng, hành, thức uẩn hoàn toàn tan biến. Một điều kỳ diệu của người hoà nhập vào pháp giới tánh, phút chốc đó hào quang sáng chói gấp một ngàn lần mặt trời để tất cả mười phương pháp giới đều thấy một lượt mắt thường không thấy được.

Tất cả các cõi có một số người đang tu hành Bồ Tát mà chưa được ngộ đạo sẽ được hào quang này, sẽ được trí tuệ



ùn ùn phát sanh. Có một số Bồ Tát ở mười phương tới để chúc tụng mừng, thì các cõi giới cũng như cảnh chung quanh của vị đó cũng sáng rực. Sáng quá mà người ta không tưởng nổi, có một cái gì đó sáng hơn mặt trời ban ngày. Phút chốc nhập pháp giới tánh không khiếp như vậy.

Bồ Tát mười phương về chúc tụng, học đạo, trao đổi, thưa hỏi điều gì đó trong một phút thôi, người nhập trong pháp giới tánh có khả năng thuyết pháp cho rất nhiều vị Bồ Tát mười phương hiểu đạo lý, tăng trưởng đạo hạnh, thậm chí có những người ngộ đạo, được chứng đạo.

Tức là ngay khi nhập pháp giới tánh là ngay khi đó hành Phật sự khắp mười phương pháp giới, cho nên phước của họ làm hàng tỷ tỷ kiếp vẫn không so sánh được với một thoáng chốc nhập trong pháp giới tánh. Sau đó, cuộc đời của họ người ta không thể so được, họ sẽ đạt được những phước báo và trí huệ mà người trần gian này có thể 500 ngàn tỷ kiếp sau không thể so sánh được, không phải đơn giản.

Một người nhập trong pháp giới tánh đầy đủ phước đức, trí huệ ngay phút chốc đó, không phải đợi làm Phật sự thêm, không đợi làm phước thiện thêm. Phút giây đó gần như đã đủ và từ đó về sau, suốt cả quãng đời của họ mỗi mỗi bước chân đều làm lợi lạc khắp quần sanh. Ví dụ như họ thuyết một bài Pháp cho mình nghe thì mình nghĩ là mình ngồi tại đạo tràng nghe vậy thôi, nhưng thực sự họ đã sử dụng tất cả ngôn ngữ có trong pháp giới tánh vận hành để khai thị cho rất nhiều cõi, rất nhiều nước, rồi thì họ mới nói một lời ở cõi phàm cho mình nghe. Đó là năng lực của người nhập Tánh.

Cảnh giới của người nhập pháp giới tánh không khiếp như vậy, chúng ta nói in tuồng như một huyền thoại trong

nhân gian. Tại vì chúng ta muốn bàn đến Trí tuệ Ba la mật thực sự là chúng ta phải bàn tới vị trí này, còn hành giả chưa tới đây thì đừng có nói tới chuyện thiên định Ba la mật và Trí tuệ Ba la mật.

Do đó, người tu theo đạo Phật có một duyên học đạo như thế này để sau này chúng ta có tu Thiên, chúng ta có ngộ đạo thì chúng ta biết rằng mình tới đâu, có tới cảnh giới này thực hay chưa? Chỗ này thì không dùng cái đầu để hiểu. Nhưng chúng ta nói ở đây để chúng ta có khái niệm khi thực sự chuyện này có xảy ra trong đời mình thì xem lại hôm nghe Thầy nói mình có tương ứng chưa, như vậy chúng ta mới có thể hiểu cảnh giới đó là điều gì? Từ đó về sau việc tu tập của chúng ta mới gọi là xong. Còn chưa được như vậy thì trong đời nào đó, ngàn đời nữa, ngàn kiếp nữa, hành giả đạo Phật phải quyết định tới cảnh giới này thì mới nói chuyện thoát khỏi tam giới, thoát khỏi sanh già bệnh chết.

Dù chúng ta đi con đường nào, dù chúng ta ở đâu, chúng ta hành công phu nào Tịnh độ Thiên hay Mật thì cũng phải một phen tới cảnh giới này. Đây là ngôi nhà chung mà tất cả các tông phái đều phải hội tụ, tất cả những hành giả tu đều phải hoà nhập, nếu không là không thể thoát đâu. Lý luận cỡ nào chúng ta cũng biết chỉ một chừng ngần thôi. Khi nào chúng ta gặp một hành giả bước từ trong Tự tánh ra, có tiếng nói xuất phát nguồn từ Tự tánh, phải thấy được năng lực của Tự tánh ngay trong phút chốc hoà nhập đó. Từ đó về sau, hành trang sống trong đời của họ quý vị sẽ thấy là họ sẽ thành một người khác hoàn toàn.

Trong kinh A Di Đà thì từ đó về sau họ sử dụng thân của Phật sanh, không xài thân của cha mẹ sanh nữa. Mặc dù

vẫn mang y thân cũ, đi đứng, nằm ngồi y như người bình thường nhưng mà đó là thân của Phật sanh. Một phen đã bị nhuộm ánh sáng của trí tuệ rồi, đã được hoà nhập vào pháp giới tánh rồi thì toàn thân tâm đó tự động nhuộm thành toàn tri, không xài thân phàm tình nữa. Mặc dù cũng nói, cũng ăn, cũng đi, cũng đứng, cũng ngủ, cũng nghỉ, cũng khóc, cũng cười giống người ta nhưng hoàn toàn khác hẳn. Rắn đã biến thành rỗng ròi. Có đôi khi họ trở về đời sống thường tình thì những người xung quanh họ không cảm nhận ra, cũng cái mặt đó, cũng cái mũi đó, cũng cái miệng đó, cũng cái thân đó, họ nghĩ là người cũ. Nhưng không phải, không còn, lột lớp ròi họ đã thành người khác hoàn toàn.

Một người nào có lần biến chuyển để cuộc đời chúng ta không còn là người cũ nữa, từ đó về sau mới biết là mình đã nhận được chân lý toàn triệt của đạo Phật, chừng đó mới gọi là triệt ngộ của Thiên.



# MỤC LỤC

I. BỐ THÍ BA LA MẬT .....	3
1. Bồ thí ngoại tài .....	4
2. Bồ thí nội tài .....	10
3. Bồ thí pháp Ba la mật .....	14
4. Bồ Thí Vô Úy Ba la mật .....	27
II. TRÌ GIỚI BA LA MẬT .....	35
1. Giới thứ nhất không sát sanh .....	42
2. Giới thứ hai không trộm cắp .....	46
3. Giới thứ ba không tà hạnh .....	46
4. Giới thứ tư không vọng ngữ .....	47
III. NHÃN NHỤC BA LA MẬT .....	49
IV. TINH TẤN BA LA MẬT .....	54
V. THIỀN ĐỊNH BA LA MẬT .....	66
1. Sơ thiền .....	67
2. Nhị thiền .....	68
3. Tam thiền .....	68
4. Tứ thiền .....	69
5. Không vô biên xứ .....	69
6. Thức vô biên xứ .....	70
7. Vô sở hữu xứ .....	71
8. Phi tướng phi phi tướng xứ thiên .....	72
9. Diệt Thọ tướng định .....	73
VI. TRÍ TUỆ BA LA MẬT .....	77

## BẢNG ĐĨA GIẢNG ĐÃ PHÁT HÀNH

- Kinh Hoa Nghiêm (đang giảng)
- Kinh Pháp Hoa
- Kinh Lăng Nghiêm
- Kinh Kim Cang
- Ma Ha Bát Nhã Ba La Mật Đa Tâm Kinh
- Tiểu Bản A Di Đà
- Tứ Niệm Xứ
- Tứ Thánh Đế
- Kinh Pháp Cú
- Kinh Thập Thiện
- Kinh Pháp Bảo Đàn
- Kinh Duy Ma Cật
- Lục Độ Ba La Mật
- Thập Nguyên Phổ Hiền
- Bát Đại Nhân Giác
- Kinh Ba Cửa Giải Thoát
- Kinh Phước Đức
- Kinh Vô Ngã Tướng
- Kinh Nhất Dạ Hiền Giả
- Tuệ Trung Thượng Sĩ Ngữ Lục
- Yếu Quyết Tứ Diệu Đế
- Lời Nguyện Thứ 18 Của Đức Phật A Di Đà
- Tứ Nhiếp Pháp
- Mười Bốn Điều Minh Triết
- Yếu Nghĩa Kinh Kim Cang
- Yếu Nghĩa Kinh Pháp Bảo Đàn
- Phương Pháp Tọa Thiền
- Thiền Thư Giãn Và Quán Thân
- Vô Thường - Khô
- Tham Vấn Phật Pháp
- Mười Hai Lời Nguyện Của Bồ Tát Quán Thế Âm
- Công Hạnh Của Bồ Tát Quán Thế Âm
- Đức Phật Là Bạc Y Vương
- Niệm Phật Thế Nào Để Có Công Đức
- Hạnh Phúc Chân Thật
- Thương Yêu và Tôn Kính
- Thiền Tịnh Song Tu
- Chữ Tu Trong Đạo Phật
- Vượt Qua Nghiệp Chướng Và Tái Sanh
- Tu Tập Và Trị Liệu
- Thân Tâm Không Khác
- Sống An Lạc Chết Siêu Thoát
- Lễ Phật Thành Đạo
- Ý Nghĩa Phật Đản Sanh
- Đạo Hiếu Người Con Phật v.v ...

## BẢNG ĐĨA DƯỠNG SINH

- Phương Pháp Dưỡng Sinh (1-9)
- Giải Đáp Câu Hỏi Dưỡng Sinh
- Thai Giáo
- Để Hoàn Thiện Một Con Người
- Phật Pháp Và Dưỡng Sinh
- Ăn Chay Với Thực Phẩm Ohsawa
- Dưỡng Sinh Phòng Bệnh
- Dưỡng Sinh Hằng Ngày
- Dưỡng Sinh Chăm Sóc Sức Khỏe Cộng Đồng
- Dưỡng Sinh Trong Đời Sống
- Cân Bằng Thân Tâm
- Cân Bằng Âm Dương Trong Ăn Uống
- Nâng Cao Đời Sống Vật Chất Và Tâm Linh
- Nguyên Nhân Bệnh Tật
- Lễ Giỗ Ohsawa 2007-2008-2009-2010-2011-2012-2013-2014-2015-2016-2017-2018 ...

## KINH SÁCH ĐÃ IN

- Kinh Pháp Hoa
- Kinh Kim Cang
- Bát Nhã Tâm Kinh
- Tinh Túy Bát Nhã Ba La Mật Đa
- Vượt Qua Nghiệp Chướng và Tái Sanh
- Tiểu Bản A Di Đà
- Lời Nguyện Thứ 18 Của Đức Phật A Di Đà
- Đạo Hiếu Người Con Phật
- Sống An Lạc Chết Siêu Thoát, ...

Điện thoại: 0251 86 00 258

Di động: 0911 258 258

Email: [thichtuehai@chualonghuong.org](mailto:thichtuehai@chualonghuong.org)

Website: [www.chualonghuong.org](http://www.chualonghuong.org), [www.quynguyen.org](http://www.quynguyen.org), [www.quynguyen.com](http://www.quynguyen.com)



SÁCH ẤN TÓNG KHÔNG BÁN